

**BS. Đỗ Hồng Ngọc**

# **Những người trẻ lạ lùng**



Mục lục

Những người trẻ lạ lùng

“Con tinh yêu thương”

“... Chiều chiều dắt ra bờ sông ...”

Làm mới thơ

Nhớ Tiếng Thu giữa Boston

Kể thơ trên xe lửa

Sách và Người

“Sài Gòn đẹp lắm”

Cứu lấy... cầu khỉ!

Real Romantic!

Tản mạn Paris

Trang của một thời...

Chuyện kể về một bài thơ...

Độc thơ Phan Như

Đời thường Giáo sư Trần Văn Khê

Nguyễn Hiến Lê, một tấm gương kiên nhẫn

Một vài kỷ niệm về Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện  
Võ Hồng vào tuổi 80  
Cậu tôi, ông Ngu Í Nguyễn Hữu Ngu  
Nghe GS. Trần Văn Khê kể chuyện tình  
Mối tình chung thủy, nhân hậu của “Ông Làm Biếng”  
Thư gửi người bạn Nhật chưa quen biết  
Xin cảm ơn, cảm ơn

## Lời ngỏ

Bạn thân mến,

Tôi xin phép được trích một phần bức thư tôi viết gửi người bạn chưa quen ở Nhật nhân dịp cuốn **“Già ơi... chào bạn!”** của tôi được dịch sang tiếng Nhật, do nhà xuất bản Soshisha, Tokyo ấn hành để bạn chia sẻ cùng tôi những niềm vui nhỏ của ngày đầu năm; bức thư cũng được in trong tập sách này:

*“... Tôi mới 60 tuổi, cái tuổi còn quá trẻ đối với một người 80 tuổi và đã quá già với một người 20 tuổi. Nhưng với tôi, tôi không biết mình đã có tuổi, tích tuổi, lúc nào tôi cũng thấy tôi đã già, và lúc nào tôi cũng thấy tôi còn trẻ. Tôi là một thầy thuốc, một bác sĩ Nhi khoa, đã hành nghề trên 30 năm. Tôi nhớ mình mới khám chữa bệnh cho một chú bé sơ sinh thì chẳng bao lâu đã thấy chú bé đó mang trên tay một chú bé sơ sinh khác là con của chú để nhờ tôi khám chữa bệnh. Thời gian trôi qua lúc nào đó vậy?... Trong nhiều chục năm trời tôi đã làm việc như điên, cả ngày lẫn đêm, quên cả bản thân mình, quên cả thời gian, và mọi thứ cứ trôi lăn đi như thế cho đến một hôm người ta phải đưa tôi vào bệnh viện cấp cứu vì tai biến mạch máu não. Người ta cạo trọc đầu tôi, đục hai lỗ ở sọ để đặt ống dẫn lưu. Tỉnh dậy, tôi nghĩ thế là xong! Đột nhiên tôi nghe tiếng chim hót trên cành cây ngoài cửa sổ, ánh sáng ban mai chiếu rọi trên giường bệnh tôi nằm. Tiếng chim, ánh nắng, trời ơi, như đã từ lâu tôi không hề biết có nó. Một cảm xúc dâng trào trong tôi. Tôi thấy mình thở. Tôi thấy những người thân và bạn bè vây quanh, người nào cũng không giống như trước kia như tôi đã từng thấy. Rồi tôi đứng lên được, đi lại được với những bước chập chững... Nỗi hạnh phúc kỳ lạ ủa vào tôi... Hãy yêu cuộc sống quanh ta và yêu ta nữa. Hãy biết ơn mình.”*

Tôi viết **“Già ơi... chào bạn!”** để tặng mình như vậy đó. Nhưng một người bạn lớn tuổi đã bảo tôi, đại ý: Không có cái gọi là già, bởi vì khi 20 – 30 tuổi người ta còn quá trẻ, 30 – 40 đang trẻ, 40 – 50 hãy còn trẻ, 50 – 60 trẻ không ngờ, 60 – 70 trẻ lạ lùng và trên 70 là... trẻ vĩnh viễn!

Vì thế mà bạn cầm trên tay cuốn **“Những người trẻ lạ lùng”** như một lời tâm sự, chia sẻ những cảm xúc, những nghĩ suy của những người... trẻ, nhân dịp đầu năm, cũng là bắt đầu của một thế kỷ mới.

Tôi rất cảm ơn Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh đã chọn **“Những người trẻ lạ lùng”** để làm món quà Xuân cho chúng ta.

*Trân trọng,*

Đỗ Hồng Ngọc

Sài Gòn, năm Canh Thìn 2000

**Những người trẻ lạ lùng**

**Phần I**

**Những người trẻ lạ lùng**

Ông Khai Trí, chủ nhà sách Khai Trí nổi tiếng ở Sài Gòn trước kia, năm nay

73 tuổi, viết cho tôi một bức thư đại ý: Ông đã nhiều lần đọc cuốn Gió heo may đã về của tôi, rất thích thú, lần đọc sau thấy hay hơn lần đọc trước, nhưng cuốn sách đó đã làm hại ông vì nó làm ông nhớ đến tuổi của mình, mà từ lâu ông đã quên, nhờ sống theo một triết lý sống khác: không có cái gọi là tuổi già, bởi vì hồi 20 – 30 tuổi người ta còn quá trẻ, 30 – 40 thì còn đang trẻ, 40 – 50 hãy còn trẻ, 50 – 60 trẻ không ngờ, 60 – 70 trẻ lạ lùng và trên 70 là trẻ vĩnh viễn. Hiện nay mỗi sáng ông đều đi bộ đến hồ bơi, bơi một chập rồi đi bộ về, bày thức ăn ra cho chim chóc trên các cành cao quanh cửa sổ phòng ông đến ăn, rồi đọc báo, nghe đài... Ông vẫn áp ủ giấc mộng mở một nhà sách mới, có phòng riêng dành cho thiếu nhi vừa vui chơi vừa đọc sách, có chỗ dành cho các văn nghệ sĩ, tác giả đến trao đổi, tâm tình, toạ đàm, trong một không khí thư giãn... Do vậy, tuy ông đã ở vào lứa tuổi trẻ vĩnh viễn, tôi thấy nên xếp ông vào lứa tuổi trẻ lạ lùng thì đúng hơn. Trong thư ông cũng trách tôi vì sao gọi Giáo sư Trần Văn Khê là “một ông già dễ thương” trong bài viết “Đời thường GS Trần Văn Khê” đăng trên báo Kiến thức ngày nay. Ông nói ông Trần Văn Khê mới 78 tuổi, không thể gọi là ông già được dù là “ông già dễ thương”. Mà thiệt! Thấy sức làm việc của GS Trần Văn Khê thì các bạn trẻ khó có ai bì kịp. Ông làm việc mỗi ngày 12 – 16 tiếng đồng hồ không mệt mỏi, liên tục di chuyển từ nước này sang nước khác, hết thuyết trình tới thu băng, làm thơ, viết báo. Đọc những “chuyện tình” của ông trong cuốn Tiểu phẩm (TVK) mới thấy ông trẻ lạ lùng. Ông có khả năng làm chủ được nhịp điệu sinh học của mình. Các buổi diễn thuyết của ông rất chính xác về giờ giấc. Giữ hai chuyến đi, ngồi đợi chuyến máy bay ở phi trường 30 phút thì ông “lim dim” đúng 30 phút, tỉnh dậy hoàn toàn sáng khoái, thanh thoi để bước vào cuộc hành trình mới. Ông ôm ấp một tâm nguyện là hết lòng xiển dương nhạc Việt ở xứ người và truyền đạt cho thế hệ sau lòng tự hào về nhạc cổ Việt Nam.

Nói đến chuyện tình của những người trẻ lạ lùng, tôi nhớ có lần được gặp hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn ở nhà hoạ sĩ Phạm Văn Hạng. Lúc đó ông đã 88 tuổi. Ông hào hứng giới thiệu với chúng tôi về “người yêu” bằng nửa số tuổi của ông. Ông kể từ lúc còn trẻ ông đã sắm một chiếc xe ngựa triển lãm tranh lưu động đặt tên là “Mê ly” để đi từ Bắc chí Nam. Đến Huế ông gặp nhạc sĩ Văn Phụng, nhạc sĩ đã cảm hứng viết bài: “Ô mê ly, mê ly đời ta...!”. Hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn có cách nhiếp sinh rất lạ. Ông luôn để cho “trái tim xao động” vì... yêu, ông lại có khả năng thở rất chậm, mỗi nhịp thở kéo dài hai phút. Ông nói ông đã tập thở như vậy từ nhỏ, bây giờ mỗi lần đi máy bay từ Hà Nội vào Tp. Hồ Chí Minh ông chỉ cần thở 60 cái là đến nơi (!). Thật là một người trẻ lạ lùng, rất thông dong và khoáng đạt.

Tôi lại nhớ GS Ngô Gia Hy, một vị thầy của nhiều thế hệ bác sĩ. Năm nay ông đã 84 tuổi, hoạt động năng nổ mà bọn chúng tôi khó lòng bì kịp. Ông vừa quản lý một trường Đại học dân lập, lại vừa giảng dạy ở trường Y, phụ trách hai tờ báo, Phó chủ tịch thường trực Hội y dược thành phố... mà sức khoẻ vẫn dồi dào. Ông viết nhiều bài báo về Khí công, về Thiền trên báo Giác Ngộ.

Ôi, những người trẻ lạ lùng mới dễ thương làm sao!

1998

## **“Con tinh yêu thương...”**

Ở Paris, dưới chân ngọn đồi tuyệt đẹp nổi tiếng với nhà thờ uy nghiêm Sacré Coeur không xa là khu Pigale cũng nổi tiếng không kém với những nhà hàng ăn chơi và các rạp chiếu phim sex, những sex-shop bán sách báo, phim ảnh khiêu dâm cùng với những vật dụng... phục vụ cho chuyện tình dục của con người. Người bạn cùng đi khuyên tôi đừng vào rạp phim sex, bởi vì sau khi xem xong ra đường sẽ thấy chán đời không thể tả! Âu Mỹ có cái lạ là chuyện yêu đương thường gọi là “làm” (make love, faire d’amour), chẳng trách người ta phải hùng hục, phải... đổ mồ hôi sôi nước mắt, thật khác với Đông phương gọi là “thương”, là “cung”, là “chịu”, là “ăn nằm”, là “gần gũi”... Trong một sex-shop, tôi lật lật mấy tờ báo coi chơi. Mới đầu cũng thấy hay hay, sau thì chán ngắt. Tôi thích hình ảnh “cô sơn nữ miệng cười khúc khích...” hoặc “ngoài phố mùa đông, đôi môi em là đóm lửa hồng...” hơn. Người chủ tiệm đơn đả mời chào: “Hay ông chọn một người nhé! Da trắng, da vàng, da đen... đều có cả!”. Rồi ông đưa cho tôi mấy cái hộp carton. Thì ra đó là những búp bê, khi cần thì thổi phình to lên như người thật, có thể “ăn nằm” với nhau được. Toàn là những người mẫu xinh đẹp, những diễn viên nổi tiếng trên thế giới! Thật tội nghiệp cho Đoàn Dự, nhân vật của Kim Dung, say mê Vương Ngọc Yến như điên đảo mà cô chỉ yêu biểu ca của mình! Giá mà Đoàn Dự có ở đây, hẳn chàng có thể đặt làm riêng cho mình một “con” giống hệt Vương Ngọc Yến để luôn tôn thờ, gần gũi, kề cận bên mình khi hành tẩu giang hồ. Còn có nhiều dụng cụ khác nữa khiến người ta nghĩ rằng có thể “yêu thương” mà chẳng cần có con người!

Thật ra, vào thế kỷ 21 người ta cũng chẳng cần như vậy nữa! Với tiếng bộ

vượt bậc của khoa học, đặc biệt sinh học gần đây, người ta có thể cho “sinh sản vô tính” một con người giống y chang bằng cách lấy một tế bào bình thường của người đó, kích điện một cái, rồi cấy vào một cái noãn để phát triển thành một con người – như người ta đã làm với cừu Dolly và nhiều sinh vật khác dễ dàng. Những chàng Đoàn Dư si tình tương lại chỉ cần cầu xin nàng một chút tế bào! Chẳng lẽ tiếc gì mà không cho! Hiện người ta cũng chế tạo ra nhiều robot ngày càng tinh xảo, càng có trí thông minh, có cả “tình cảm” nữa, như gặp ta thì mỉm cười (!) “Chào buổi sáng!” (Có thể nói tiếng Việt lơ lơ vì chưa có dấu, nhưng chẳng hề chi!). Ở Nhật hiện nay đã bắt đầu có dịch robomania, tức là điên vì mê robot! Cứ tưởng tượng đi, mỗi người chúng ta sau này đi đâu đều có vài robot xinh đẹp đi theo, chẳng thua gì Nguyễn Công Trứ “Gót tiên đeo đũng đỉnh một đôi dì. Bụt cũng nực cười ông ngật ngưỡng...”!

Tháng 8 năm 2000 vừa qua, các nhà khoa học đã công bố bản đồ “gen” của con người. Vậy là từ nay người ta có thể tìm hiểu người yêu cận kề hơn bằng cách nghiên cứu bản đồ gen của nàng (hay chàng). Người ta có thể biết được người kia nói dối mấy chục phần trăm khi tỏ tình bằng máy dò nói dối.

Muốn có một đứa con hủ hỉ mà không phải bận bịu chuyện hôn nhân, nàng có thể đến ngân hàng tinh trùng mua một nhúm tinh trùng (của một “danh nhân” nào đó mà nàng yêu mến và ngưỡng mộ); còn chàng thì đến một cửa hàng mua một cái “tử cung nhân tạo”, rồi mua thêm một cái trứng để thụ tinh nữa là xong! Rồi cứ lửng lơ mang cái “tử cung nhân tạo” đi đây đi đó chẳng khác gì người xưa mang túi thơ bầu rượu!

Nhưng có lẽ mọi sự sẽ không xảy ra như vậy! Bởi vì con người mãi mãi vẫn còn muốn được “quấy nhiễu” bởi con người, bởi những nồng cháy, những đam mê, những hi vọng ái ố... những lời tán tỉnh, những nỗi giổ hờn, những niềm tiếc nhớ... chứ không muốn mọi thứ cứ được chương trình hoá bởi robot hay đơn giản hoá bởi chiếc hộp đựng bút bê hay sinh sản vô tính. Con người vẫn cần có con người. Bởi vì trước sau vì rồi cũng có một hôm “Con tình yêu thương vô tình chợt gọi, lại thấy trong ta hiện bóng con người!”, như lời một bài hát của Trịnh Công Sơn. Và tôi đồng ý với anh, dù chúng ta đang bước vào thiên niên kỷ mới.

### **“... Chiều chiều dất ra bờ sông ...”**

Hồi còn nhỏ, tôi đã nghe người ta hát: “... Bà già lấy le ông già, chiều chiều dất ra bờ sông, hai người nó chuyện tâm tình ...” [1] Đó là bài hát nhại của một khúc hát quen thuộc thời đó, nhưng càng lớn tuổi thì tôi càng nghiệm thấy điều này hình như rất... đúng. Lấy le, “prendre des aires” (tiếng Pháp) được Việt hoá thành một từ rất dân gian là làm điệu, làm bộ, ve vãn...

Thường người ta nói cậu thanh niên này lấy le trước mấy cô con gái, còn ở đây bà già lại lấy le ông già mới là kỳ!

Các nghiên cứu về “Già học” đều cho thấy một điều là càng lớn tuổi thì ông già càng có vẻ chậm chạp, lừ đừ, có vẻ “hết pin” sớm hơn bà già. Không biết có phải tại vì hồi trẻ đã hoạt động quá độ không, kể cả trong thể dục thể thao, rồi lại rượu bia, thuốc lá làm cho các tế bào mau già cõi đi, mau teo tóp lại, còn bà già thì càng lớn tuổi càng có vẻ năng động, hoạt bát, đầy sức

sống... Nói chung, tuổi thọ ở nam giới ngắn hơn nữ giới. Ở Việt Nam, tuổi thọ trung bình của nam là 63, trong khi ở nữ là 67. Còn ở Nhật, nam 75, nữ 80. Nam giới về già càng xuề xòa, đôi khi lôi thôi, lếch thếch, còn nữ giới thì quan tâm đến hình thức hơn, biết trang phục hơn, và biết cách làm cho người ta không thể nào đoán được tuổi của mình. Gần đây, trên các báo, có mục Tìm bạn bốn phương, Nhịp cầu bạn bè, Câu lạc bộ làm quen... ta thấy những lời nhắn gửi: “Nữ ngoài 60, cao ..., nặng ..., kinh tế vững vàng, ngoại hình dễ coi, sống nội tâm, muốn tìm bạn nam, hưu trí càng tốt”... “Nữ, ngoài 50, hết thanh xuân đến bạc đầu, hành trang vẫn là trái tim cô độc, kinh tế phong phú không san lấp nổi vực sâu một tâm hồn đơn lẻ”. “Nữ gần 70, con cái đã lớn, thích văn nghệ, biết nhảy, cần tìm bạn nam tuổi ngoài 70 để đi đó đi đây ...”. Rõ ràng là các nhà tâm lý xã hội phải quan tâm đến hiện tượng mới mẻ này.

Giáo sư Toshihito Katsumura, một chuyên gia về người già ở Nhật nói để người già sống lâu và sống khỏe thì cần giúp họ có một chương trình vận động thể lực phù hợp. Vận động thể lực cải thiện được sức khỏe và nâng cao được cuộc sống, tránh tình trạng “liệt giường liệt chiếu” lệ thuộc vào xe lăn, gậy chống... thường thấy ở người lớn tuổi. Vận động thể lực mới giữ được sự dẻo dai của xương khớp, tăng cường cơ bắp, giữ cảm giác thăng bằng linh hoạt cần thiết, giữ cho xương lâu bị loãng, giảm xơ vữa động mạch. Dĩ nhiên là người già phải rèn luyện theo một chế độ phù hợp với tuổi tác, nhiều khi phải có một giáo án riêng, như các cầu thủ phải được tập riêng một giáo án theo tình trạng “chấn thương” của mình vậy. Rèn luyện thể lực còn giúp người cao tuổi luôn giữ sự lạc quan, tỉnh dí dỏm, hài hước, nhờ đó họ sống tích cực hơn, hoạt bát hơn, độc lập hơn. Tập luyện chung với nhau còn có cơ hội gặp gỡ, giao lưu, tương tác. Rõ ràng, rất nên khuyến khích “bà già

lấy le ông già” để “chiều chiều dắt ra bờ sông”. Không chỉ chiều chiều mà cả sáng sáng cũng nên nữa. Vài ba bạn già có dịp gặp gỡ, tâm tình, nói chuyện trên trời dưới biển thì cuộc sống nhộn nhịp hơn, cũng là dịp để bàn bạc những chương trình phục vụ xã hội phù hợp, như người có kinh tế khá có thể giúp trẻ mồ côi, người có kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe thì khám bệnh, người có kỹ năng nghệ thuật thì trình diễn, kẻ làm thơ người xướng họa, kẻ vẽ tranh người đánh đàn... cũng chẳng khoái ru?

“Bà già lấy le ông già, chiều dắt ra bờ sông”... Không nói ai dắt, nhưng chắc phải bà già dắt, vì như đã nói, bà già thường nhanh nhẹn tháo dặt hơn, sáng suốt hơn nên sẽ dắt ông già ra bờ sông. Tại sao bờ sông? Bởi vì chỉ có ở bờ sông người ta mới hưởng được không khí trong lành. Ở bờ sông, người ta mới có được sự yên tĩnh nghỉ ngơi, tránh ồn ào phố thị, có dịp thấy dòng sông trôi đi, lắng nghe dòng sông nhiều điều mách mách bảo. Dĩ nhiên là họ sẽ “nói chuyện tâm tình”. Cái thú vị ở đây là họ không cần cãi nhau nữa làm gì, họ chỉ cần tâm tình thôi cũng đủ thấy sảng khoái rồi. Điếc lác một chút cũng hay. Ông nói gà bà nói vịt vẫn vui vẻ cả làng, thay vì như hồi xưa luôn đấu lý, tranh luận, căng thẳng thần kinh. Bây giờ thì bà nói gì cũng đúng mà ông nói gì cũng hay.

Các nhà nghiên cứu phương Tây thấy tuổi thọ ngày càng cao, thì người già càng có khuynh hướng sống chung hoặc kết hôn với nhau nữa. Ở tuổi này, người ta biết rõ nên chọn một người “bạn đời” như thế nào, “mẫu người lý tưởng” ra sao, vì họ không còn bị cái tình nồng nàn của tuổi trẻ làm cho “mù quáng”; họ cũng “lấy nhau vì tình”, vì nhu cầu có bạn chớ không phải vì tiền, vì... nhan sắc (vì lúc đó, nhan sắc ai cũng... giống ai!). Họ cũng chọn người “môn đăng hộ đối” hơn. Nói chung những người này thường có đời

sống kinh tế tương đối ổn, không bị ảnh hưởng bởi con cháu và sống độc lập, ít sợ “dư luận”. Đó là chuyện bên Tây, nhưng rồi đây, các nước đang phát triển có tuổi thọ ngày càng cải thiện thì tình trạng này cũng sẽ nảy sinh như ta thấy gần đây trang mục “Tìm bạn”... ngày càng mở rộng trên báo chí, đáp ứng nhu cầu mới.

Lâm Ngữ Đường viết: “Ai cũng muốn sống lâu và nếu trời cho sống lâu thì tới một thời phải già. Phải tổ chức đời sống của ta sao cho thời kỳ vui vẻ nhất trong đời thuộc về tuổi già đó... Tuổi già, đó là tuổi của hoà bình, êm đềm, thơ mộng, mãn túc ...”.

Tóm lại, “chiều chiều dắt ra bờ sông”... là một điều rất thú vị, rất đáng khuyến khích ở những người cao tuổi để có một cuộc sống có chất lượng cao hơn!

-----

*[1] Câu tiếp theo của bài hát nhại “Bà già lấy le ông già, chiều chiều dắt ra bờ sông, hai người nó chuyện tâm tình...”, theo như Goldfish tôi nhớ, là “ôm nhau nhảy ùng xuống sông!”*

*(Các ghi chú đánh dấu \* là của tác giả và các ghi chú đánh số thứ tự là của Goldfish)*

**Làm mới thơ**

Hơn 30 năm trước, anh bạn tôi, một nhà thơ có nhiều thơ đăng báo, có lần thử gửi thơ mình đến một vài toà báo có tiếng là đang “làm mới thơ” thì điều bị từ chối không đăng. Một hôm, anh hí hửng khoe: “Rồi, họ đăng thơ moa rồi”. “Thiệt hả! Sao họ chịu đăng” ? - Tôi hỏi. Anh cười: “Có gì đâu, moa thấy bài thơ hay mà họ không chịu đăng, tức quá, cắt ra từng mảnh, bỏ vào cái nón nỉ, xóc xóc mấy cái, lượm ra, ghép lại, thành một bài thơ kỳ dị, ký cái tên lạ hoắc, gửi, họ đăng ngay. Có lẽ toà soạn đọc thấy lạ, không hiểu gì cả nên đăng”. Còn một anh bạn khác, để thơ được sớm đăng, ký một bút danh có thêm chữ Thị, một cái tên con gái. Ông chủ bút vốn ga-lăng. Thời đó có ít nhà thơ nữ.

Gần đây, đọc mấy bức thư Phan Triều Hải – đang dự hội thảo văn học ở Iowa (Mỹ) gửi về - đăng trên báo, thấy anh ghi nhận có những nhà thơ làm thơ như sau :

a

ab

abc

abcd

.....

và cứ như thế ghép cho đủ 26 chữ cái. Dĩ nhiên thơ này không để ngâm, không để đọc, mà chỉ để nhìn. Rồi có thơ sử dụng vi tính, có lập trình sẵn để đảo câu đảo chữ tạo ra những từ mới, tứ mới, rất công nghiệp. Chẳng khác gì 30 mươi năm trước anh bạn tôi cắt nhỏ bài thơ rồi xóc xóc trong cái nón nỉ

một cách thủ công.

Tôi có được đọc một tạp chí thơ của một nhóm bạn Việt kiều, có bài thơ không có chữ nào cả mà toàn là ký hiệu như ký hiệu giao thông, các đường vẽ ngoằn ngoèo dẫn ta đi từ nơi này sang nơi khác. Dĩ nhiên, thơ này cũng dễ nhìn, không dễ đọc. Họ cũng giới thiệu một thứ thơ gọi là thơ “thơ tương tác”. Trong thơ có các gạch dọc (/) để người đọc tùy nghi đảo chữ, sắp chữ, đọc ngược xuôi theo ý mình. Một bài thơ như vậy sẽ trở thành vô số bài. Cũng trong tạp chí đó, một nhà phê bình đã nhận xét khá lý thú bằng cách cho một thí dụ với hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương :

*Em ơi lửa tắt bình khô rượu  
Đời vắng em rồi say với ai*

Có thể đọc theo lối “tương tác” là:

*Bình rượu  
Khô  
Em ơi  
Lửa tắt  
Vắng em  
Say với ai  
Rồi đời!*

Tôi nhớ không chính xác lắm, nhưng không sao, thơ “tương tác” mà, ta có

thể “chập” đủ kiểu!

Ngàn năm trước, Kinh Thi nói thơ là cỗi lòng, là tiếng lòng, “thốn tâm thiên cổ”, mà nay tiếng lòng nổi lòng bây giờ thật đã trở nên phức tạp hơn nhiều! Bỗng nhiên thềm nghe một câu thơ đơn giản như:

Thò tay ngắt một cọng ngò  
Thương anh đứt ruột giả đò ngó lơ...

1998

### **Nhớ Tiếng Thu giữa Boston**

Tôi đi giữa Boston. Cả một mùa thu. Trọn một mùa thu. Nhớ tới Xuân Diệu với “Lá không vàng, lá không rụng, lá lại thêm xanh, ấy là mùa thu đã về, mùa thu mới về, yếu điệu thực nữ...”. Thực ra, lá như ráng níu lại chút xanh, và vì níu lại nên có vẻ chặt hơn, xanh hơn lên mà thôi. Bởi vì rất nhanh, là bỗng vàng rộm, vàng rực, vàng tía, vàng buốt... Và bầu trời rộng ra, thênh thang, yếu điệu kỳ cục. Mới mấy ngày thôi mà cây cứ tô dần tô dần cái màu vàng buốt, óng ả, rực rỡ chen lẫn với xanh đậm, xanh lợt mong manh đó... và sáng hôm sau, rơi từng lá từng lá tràn ngập các lối đi. Thu ở Boston hình lạ hơn thu ở những nơi khác trên nước Mỹ, nên hàng năm cả nước Mỹ hành hương về Boston giữa mùa thu vàng. Họ không gọi Autumn - mùa Thu, mà gọi Fall – mùa Rụng, bởi vì chỉ có lúc lá rụng bời bời như vậy người ta mới thấy hết nỗi vui mừng, nỗi xót xa, nỗi buốt nhớ... không rõ vì đâu. Và vì

Fall, người ta dễ “Fall in love”, có phải vì vậy mà người qua đường như cũng đẹp thêm ra, luộm thuộm hơn ra với lụa là gấm vóc, không còn nhếch nhác mùa hè mà cũng chưa cục mịch mùa đông. Tôi chưa được lần nào sống thu như vậy, hoặc chỉ là sống với mùa thu trong sách vở, tưởng tượng cái mùa thu không có thật giữa miền Nam mưa nắng hai mùa nên cứ lang thang, lang thang mà dòm cho hết cái thu của Boston. Và tôi bỗng nghe, không phải là tiếng quạ kêu quang quác thoảng thốt, cũng không phải tiếng chim cu gù rúc rúc quuyền rũ mà là một thứ tiếng lạ, tôi chưa từng nghe bao giờ, tiếng thu. Và tôi giật mình nhớ Lưu Trọng Lư. Chính Lưu Trọng Lư chứ không phải ai khác. Em không nghe mùa thu. Rõ ràng thu không phải để dòm, để ngó, để ngắm, để nghĩa... mà chỉ có thể để nghe. Mà cũng không phải để nghe tiếng, dù là tiếng lá rụng mà để nghe mùa. Cái tiếng mùa đi, mùa về, cái tiếng đời của mỗi chúng ta. Nó ở trong không gian dằng dặc, đùng đục thênh thang kia, và ở cả trong thời gian hun hút, héo hon rơi rụng nọ, một thứ “tiếng nào gõ nhịp không hay” đó chẳng. Tôi bước đi từng bước nhẹ dưới những vòm cây và nghe cho hết tiếng thu về. Dưới chân mình là từng lớp lá rụng, bước chân như bỗng hẫng đi và tôi chợt ngỡ ngác. Thấy mình như không còn là mình nữa. Hay mình là nai? Có thể chứ? Con nai vàng ngơ ngác của Lưu Trọng Lư? Và... Ồ hay... Có lẽ nào... Hay cũng chính là... Cũng có thể là... không hề có một con nai nào cả, mà nhà thơ, chính nhà thơ là nai. Thôi rồi, đừng có hòng mà giấu giếm gì nữa nhà thơ ơi! Chính nhà thơ là con nai vàng đang bước đi từng bước huyễn hoặc ngơ ngác đó thôi, sau lâu nay cứ làm cho người ta tưởng là có một con nai thiệt, đến nỗi có một bài dịch thơ sang tiếng Mỹ, người ta cứ dịch con nai là con nai, có tội nghiệp không chứ! Phải rồi chính nhà thơ là con nai, một con nai ngơ ngác, nghe tiếng mùa yêu và fall in love. Với ai, vì sao nên nỗi? Có phải cái tiếng thồn thức, cái tiếng rạo rục của ai kia đã một hôm thu làm cho chàng trai thi

sĩ trẻ tuổi trở thành một con nai, lang thang dẫm ngập lá vàng, hững hờ bước đi mà chẳng biết về đâu, vì sao...

Thu 1993, Massachusetts

### **Kể thơ trên xe lửa**

Buổi tối, chúng tôi ngồi xe lửa từ Baltimore về Washington D.C. Có một cô bạn Mỹ Susan Barnes nhỏ nhắn và lanh lẹ hướng dẫn tôi cứ coi như tôi như một em bé, sợ tôi lạc giữa đám đông. Tôi bỗng lo sợ vẩn vơ. Đọc báo cứ thấy lâu lâu ở Mỹ có người nổi hứng leo lên xe lửa rĩa một loạt đạn vào mọi người rồi... lạnh lùng bước đi. Tôi nhìn quanh quất hỏi có chắc xe này về D.C không, cô cũng không biết rõ nữa, phải hỏi lại người soát vé mới sure. Cả buổi chiều đi thăm bệnh viện Johns Hopkins, phòng xét nghiệm, khoa điều trị, tiếp xúc với bác sĩ, bệnh nhân, tôi đã thấy thấm mệt, muốn mau mau về nghỉ. Xe lửa lắc lư chậm chạp đi trong đêm. Những hành khách trẻ tàu. Vội vã. Nhăn nhó. Có người thấy như muốn rút súng thì phải. Bỗng Susan lên tiếng: “Thơ cổ điển Việt Nam, ngoài Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... Hồ Xuân Hương còn ai nữa không?”. Tôi giật mình, sửng sốt. Dĩ nhiên cô nói tiếng Mỹ và phát âm tên riêng còn khó nghe nhưng tôi nghe rất rõ những tên người đó. Cô hỏi cả Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương! Suốt buổi sáng làm việc trong hội thảo và cả buổi chiều đưa tôi đi thăm Johns Hopkins đâu thấy cô có “triệu chứng” gì để biết cô rành văn chương Việt Nam đến thế. Cô giải thích rằng từ ba năm nay cô theo học khoa Đông Nam Á và chọn văn hoá Việt Nam. Ra thế. Cô lại hỏi về những người làm thơ tình đương

đại. Tôi lục trong trí nhớ. Nhiều quá! Những nhà thơ tình Việt Nam đương đại! Tôi nhắc tên nhiều người cả trong và ngoài nước – và bỗng đọng lại ở Đỗ Trung Quân. Dĩ nhiên có nhiều người làm thơ tình hay hơn Đỗ, bay bướm hơn, uớt át hơn, lâm ly hơn... nhưng tôi không biết giải thích cách nào để cho cô bạn Mỹ không rành tiếng Việt kia hiểu, cũng không thể đọc cho cô nghe âm điệu để cô có thể thấm được cái hay. Và lại, tôi cũng chẳng thuộc được mấy chút thơ. Đỗ thì từ lâu đã khá nổi tiếng với bài Quê hương, anh cũng có những bài thơ tình cho mẹ, cho con và cho vợ... cho cả tình đầu, tình cuối gì đó nữa... Nhưng ngay với bài Quê hương, tôi cũng không sao giải thích cho cô bạn cái hay của “Quê hương là đêm trăng tỏ, Hoa cau rụng trắng ngoài thềm”. Bởi vì ở Mỹ, đèn điện thì cứ sáng choang hoặc sương mù che lấp cả trăng đi, mà có nói đến trăng người ta cũng chỉ nói đến Apollo, đến Amstrong mà thôi. Còn hương cau, biết nói sao đây? Làm sao cho cô nghe được mùi hương cao của những đêm trăng tỏ, làm sao cho biết được cái mo cau, để từ đó có cái quạt của thằng bõm và làm cho cô hiểu rằng cau không phải là cau mà gắn với trâu để thành cái “Ngày xưa có hai anh em nhà kia...”, rồi làm sao cho cô hiểu cái cau qua cái trâu của “Ba đồng một mớ trâu cay...”. Tôi cũng không thể nói cho cô hiểu về cái anh chàng có “Bài thơ cứ còn hoài trong cặp... Giữa giờ chơi mang đến lại mang về” bởi vì ở Mỹ thường những mối tình đầu như vậy sẽ là chuyện giả tưởng... ở một hành tinh nào khác. Cho nên tôi đành kể cho Susan nghe bài thơ “Thầy còn nhớ em không” [1] của Đỗ. Hình như tựa bài thơ không phải vậy, nhưng chẳng cần! Cái cậu học trò ăn mặc bảnh bao đến mua thuốc lá và nhận ra người bán thuốc ở góc đường kia là thầy học cũ của mình. Cậu học trò nhớ những bài học tôn sư được thầy dạy ngày xưa ở trường nên đã reo lên mừng rỡ “Thầy còn nhớ em không?”, nhưng người thầy kia đã lạnh lùng từ chối, không dám nhận mình là thầy nữa rồi. Vì đâu nên nỗi? Không cần

sống trong bối cảnh Việt Nam vào thời điểm đó, tôi thấy cô bạn tôi đã hiểu và im lặng hồi lâu. Tôi lại kể cho cô nghe bài thơ khác của Đỗ, tôi cũng chẳng nhớ nổi cái tựa, đó là bài thơ viết về mấy đứa nhỏ học trò ngây thơ được người lớn dẫn đi coi... máy chém, và nhà thơ hỏi có khi nào bạn mua món quà là máy chém về tặng sinh nhật con mình không? Đại khái ý thơ là vậy còn câu cú lời lẽ thì tôi quên tuốt. Cô bạn Susan không nói năng gì, im lặng hồi lâu để tôi nghe rõ tiếng sắt sinh sịch trên đường ray. Tôi không dám nhìn cô. Nhưng tôi biết cô đang nghĩ đến một điều gì khác, như nghĩ đến bức tường ghi tên dài ngoằng ở quê hương cô chẳng hạn. Đột nhiên cô reo lên: “Tới rồi!”. Và cô vội vã thu xếp hành lý. Cô lí nhí cảm ơn tôi đã cho cô biết thêm về thơ Việt Nam và tôi cũng cảm ơn cô vì nhờ cô mà tôi quên tuốt đoạn đường đi và cả những bản tin khủng khiếp về những người leo lên xe lửa rĩa một loạt đạn... Tôi cũng cảm ơn anh bạn Đỗ đã có những bài thơ mà tôi không nhớ nổi cái tựa để tôi được làm một việc là kể thơ trên đoạn đường xe lửa từ Baltimore về Washington D.C của một buổi tối mùa thu 1993.

-----

[1] Đó là bài thơ Có một chiều Tháng Năm của Đỗ Trung Quân:

“Thầy có nhớ con không...?”

tôi giật mình nhận ra người đàn ông áo quần nhếch nhác

người đàn ông gầy gò ngồi sau tủ thuốc ven đường

”thầy còn nhớ con không...?”

câu lặp lại rụt rè rơi vào im lặng

hoa phượng tháng Năm rơi đầy vỉa hè

rụng xuống trên vai người thầy học cũ

“không... xin lỗi.. ông làm...

tôi chưa từng dạy học

xin thôi lại ông tiền thuốc...

...cám ơn...”

cuộc sống cho ta nhiều quên, nhớ, vui, buồn

thầy học cũ mười năm không làm được

thầy học cũ ngồi kia giấu mình sau tủ thuốc

giấu mình sau hoa phượng rụng buồn tênh

con biết nói gì hơn

đứa học trò tôn sư

người thầy cũ lại chối từ kỷ niệm

chối từ những bài giảng dạy con người đứng thẳng

biết yêu anh em - đất nước - xóm giềng

đứa học trò vào đời với trăm nghìn giông bão

bài học ngày xưa vẫn nhớ mãi không quên

bên hè phố im lìm

vành nón súp che mắt nhìn mỗi một

câu phủ nhận phải vì câu áo rách

trước đứa học trò quần áo bảnh bao?

tôi ngần ngại đi giữa phố xá ồn ào

những đứa trẻ con tan trường đuổi nhau trên phố

mười năm nữa đứa nào trong số đó

sẽ gặp thầy mình như tôi gặp hôm nay?

## **Sách và Người**

Hơn 40 năm trước, một chú nhóc vào tuổi 15, thất học, phụ mẹ bán hàng xén tại một thị trấn nhỏ xa thành phố, một hôm, trong dịp đi Sài gòn bỏ hàng cho

mẹ đã tình cờ mua được một cuốn sách “xôn” trên vỉa hè, đó là cuốn Kim chỉ nam cho học sinh, tác giả Nguyễn Hiến Lê. Cuốn sách nhỏ đó làm thay đổi đời chú. Chú thực hành theo hướng dẫn của sách, lập chương trình học ôn, “học nhảy” để đuổi kịp bạn bè mà do hoàn cảnh mà chú phải bỏ học nhiều năm. Về sau, khi trở thành một bác sĩ, và cũng là người học trò gần gũi với tác giả, chú đã viết một cuốn sách “bổ sung” cho Kim chỉ nam của học sinh, đó là cuốn “Những bệnh tật thông thường trong lứa tuổi học trò” (1972) do chính Nguyễn Hiến Lê đề tựa. Chú nhóc đó – nói ra hơi mắc cỡ một chút – chính là tôi, đang cầm trong tay cuốn Kim chỉ nam của học sinh vừa tái bản sau gần nửa thế kỷ (in lần đầu năm 1951) mà không khỏi có chút bùi ngùi, cái cảm xúc có lẽ gần giống như Anatole France ngồi ở vườn Luxemboug nhìn những chú nhỏ tung tăng trong buổi tựu trường với cặp vở trên vai mà thấy lại hình ảnh chính mình ngày xưa.

Quả thật trong đời có những cuốn sách là bạn ta, là thầy ta. Ta như bắt được cái tần số của nó, như chia sẻ cùng tác giả những nghĩ suy, những cảm xúc. Học là một việc nặng nhọc, vất vả, nhưng không ai chỉ cho ta một phương pháp học sao cho nhẹ nhàng, cho sáng khoái, cho thấy sự học là vui, là hạnh phúc, giúp ta “enjoy” cái sự học đó ngay trong lúc đang học chứ không phải đợi lúc thành đạt. Kim chỉ nam của học sinh đã giúp ta điều đó. Tuy sách đã ra đời từ nửa thế kỷ trước, nhiều điều nay đã lỗi thời nhưng các nguyên tắc, phương pháp thì vẫn còn nguyên vẹn giá trị của nó. Như muốn học được lâu dài, học tốt, thì không thể không chăm sóc đến cơ thể, không thể không biết cách ăn, cách ngủ, cách nghỉ ngơi sao cho có sức bền. Ngay từ thời đó, tác giả đã khuyên rằng “phải theo nội chương trình” mới nên học, không nên vì danh hão mà học quá sức mình, rằng “Việt Nam cần rất nhiều thợ lành nghề”, rằng “Đừng quá chú trọng bằng cấp. Phải ngay thẳng trong kỳ thi”,

thì vẫn còn giá trị trong thời buổi thừa thầy thiếu thợ, bằng giả, bằng dỏm... hiện nay. Vai trò của người thầy cũng được nhắc đến, rằng thầy không phải là người nhồi nhét kiến thức cho trò mà là người chỉ dẫn, đưa cho trò cái chìa khoá để mở kho tàng “tự học”. Những chương như “Làm sao giỏi” vẫn là chương có ích, chỉ cho ta cách học một bài sử, bài địa, bài toán, bài văn... như thế nào một cách cụ thể vì được viết từ những kinh nghiệm sống của tác giả chứ không phải từ những lý thuyết viển vông...

Điều đáng quý hơn hết với tôi là Kim chỉ nam của học sinh đã tạo được trong tôi một niềm tin – niềm tin vào chính mình – khi bắt tay tổ chức việc học sao cho dễ thành công. Tôi mong cuốn sách nhỏ này cũng sẽ tiếp tục giúp các bạn trẻ bây giờ cũng như đã giúp cho chú nhóc là tôi hơn 40 năm về trước.

### **“Sài Gòn đẹp lắm...”**

Sống và lớn lên ở Sài Gòn, ta ít có dịp “nhớ về”, “hương về” Sài Gòn, trái lại ta thường dễ “bực bội” với Sài Gòn về đủ thứ mọi chuyện trên đời, cho đến một hôm...

Lần đó tôi có dịp đi công tác ở Chang Mai, Thái Lan cùng với một anh bác sĩ bạn. Chúng tôi trọ trong một khách sạn trung bình, sạch sẽ và yên tĩnh. Buổi tối rảnh rỗi, không biết làm gì, chúng tôi xuống tầng trệt, vào cái bar trần ở đó, gọi hai ly cam vắt và nghe hát. Khách lựa thưa, chủ yếu là người

Âu, Mỹ. Một chiếc dương cầm. Một cô ca sĩ. Cô ca sĩ gầy nhom, khoát chiếc áo veste đen cũ kỹ. Người đệm đàn cho cô hát râu ria xồm xoàm, cũng ăn mặt rất giản dị, dáng vẻ nghệ sĩ. Cô hát, hết bài này đến bài khác từ bài Thái, đến Nam Mỹ, Bắc Mỹ, châu Âu, các bài hát nổi tiếng...Đột nhiên nhạc trỗi lên một điệu quen thuộc và cô ca sĩ cất tiếng hát bằng tiếng Việt, nghe rất rõ ràng dù phát âm còn chưa chuẩn: “Dừng chân trên bến khi chiều nắng chưa phai... Đường xa thấp thoáng muôn tà áo tung bay... Nếp sống vui tươi nối chân nhau đến nơi này... Sài Gòn đẹp lắm! Sài Gòn ơi! Sài Gòn ơi!...”. Tôi giật mình, nghe như có cái gì đó xao xuyến trong lòng, một cảm giác rung khó tả. Tôi bỗng “nhớ” Sài Gòn, một nỗi nhớ da diết lạ lùng như đã xa Sài Gòn từ lâu lắm! Bạn tôi cũng vậy, gõ nhịp hoan hỉ trên ly cam vắt và khe khẽ hát theo. Cô ca sĩ bỗng nhiên đẹp hẳn lên, rực rỡ dưới ánh đèn, chiếc áo veste như có gió bay lên và người nghệ sĩ đệm piano lắc lư say đắm trên các phím đàn. Bài hát dứt lúc nào không hay. Tôi lên cảm ơn cô, nói tôi vừa ở Sài Gòn đến. Tôi như muốn nói thêm rằng nhờ cô mà tôi phát hiện được một Sài Gòn rất thực của mình. Cô nói cô không ngờ chúng tôi ở Sài Gòn đến và sẵn sàng hát lại bài hát lần nữa tặng chúng tôi... Chúng tôi cũng không quên giúp cô phát âm chuẩn vài từ trong bài hát để đêm đêm cô hát “Sài Gòn đẹp lắm...” cho du khách thập phương nghe.

## **Những người trẻ lạ lùng**

### **Phần II**

#### **Cứu lấy... cầu khỉ!**

Cứ mỗi lần thấy một bức ảnh trúng giải thưởng quốc tế của các nghệ sĩ nhiếp ảnh nước ta có liên quan đến cây cầu khỉ - khi thì một cô giáo dẫn học sinh qua cầu, khi thì một đôi thanh niên nam nữ âu yếm dắt tay nhau, khi thì một đám cưới miệt vườn... tôi lại lo ngay ngáy đến một ngày nào đó không còn tìm thấy bóng dáng chiếc cầu khỉ thơ mộng bắc qua những con kênh rạch chằng chịt khắp các nẻo đường đồng bằng Nam bộ, khi mà chương trình “xoá cầu khỉ” hoàn tất trong thời gian tới! Lúc đó có lẽ chúng ta chỉ còn có dịp đi trên những chiếc cầu bê-tông to bè, cứng nhắc hoặc cầu nhựa tổng hợp láng o, láng coóng... Dĩ nhiên là giao thông sẽ thuận tiện hơn, xe cộ chạy ào ào, tấp nập, những người đi lại thậm chí còn trùm đầu kín mít với chiếc nón bảo hộ, chỉ lộ hai con mắt lom lom nhìn qua lớp kính trông như người ngoài hành tinh, có trang bị điện thoại di động và máy thăm dò tình cảm, sẵn sàng kêu bip bip báo tin khi có người đi ngược chiều cùng tần số để alô làm quen.

Cầu khi có từ bao giờ và tại sao có tên là... khi mà không là một cái tên nào khác thì không biết, nhưng có lẽ bắt nguồn từ cái dáng đi lom khom, lắc lư, run rẩy, có khi phải gập mình bò hẳn xuống để khỏi té khi qua cầu, nhất là những người chưa quen, đã tạo ra cái tên gọi rất gọi hình và thân thương đó chẳng. Có lẽ cũng không ít những mối tình thôn dã đã nhờ chiếc cầu khi đưa duyên, khi mà nàng phải nắm lấy tay chàng càng lúc càng chặt cứng, mà cũng không ai bảo đảm rằng chàng đã không thừa thế rung cây... nhất khi để có dịp ôm chầm lấy người yếu bóng vía, hoặc tìm cách để té đùng xuống dòng kênh, để rồi loi ngoi như chuột lột mà ám áp tận đáy lòng với một kỷ niệm không bao giờ quên. Chiếc áo dài hình như càng có duyên với cầu khi. Cái tà áo phất phơ như mây như gió đó in bóng xuống dòng nước của một “con kênh xanh những chiều êm ả nước trôi” thì thật đủ làm nao lòng bất cứ nhà nhiếp ảnh khó tính nào.

Còn đứng trên cầu bê-tông, cầu nhựa tổng hợp với xe gắn máy phân khối lớn, với nón bảo hộ trùm đầu, điện thoại di động, máy dò tình cảm, chắc chắn người ta phải mặc quần jean áo pull thôi và khó có thể tưởng tượng người ta cất lên một giọng hò sông Hậu làm xao xuyến lòng người trong hoàn cảnh đó, mà chỉ có thể là tiếng gào thét của các cô ca sĩ qua walkman hifi stereo.

Ở một số nước tiên tiến đã có gà ảo, người yêu ảo, rồi có búp bê mà người ta có thể mua về nuôi, làm khai sinh hẳn hoi, cho ăn, dỗ ngủ, nựng nịu. Chắc là búp bê không biết đá ia, nếu biết chắc cũng hoàn hảo hơn. Ở Âu Mỹ, các bà đầm thường rất cưng chó, ai cũng mua một vài con cho đỡ cô đơn, chiều

chiều dẫn chó đi chơi là thú vui nhàn nhã. Nhưng khổ nỗi chó hay đá ỉa tùm lum ngoài đường làm mất vẻ mỹ quan. Ngay tại Paris, kinh đô ánh sáng như vậy mà cũng đầy cứt chó, không biết phải giải quyết ra sao. Thế rồi có ai đó đã nghĩ ra một sáng kiến rất tuyệt vời: sản xuất một sợi dây dắt chó điện tử có xung động tạo cảm giác như là đang dẫn chó nhưng không có một con chó nào cả, như vậy các bà đầm cứ cầm sợi dây đó mà đi đây đi đó cho thoải mái. Thế là sợi dây chó bán chạy như tôm tươi. Không biết liệu sao này có ai có sáng kiến làm ra chiếc cầu khi... điện tử, đứng lên cũng lắc lư như qua cầu mà không có cầu chăng?

Ở một khu du lịch nọ có dựng một cây “cầu khi” bắc ngang qua một cái ao! Phải nói nó không được ... khi mấy mà phải gọi là “cầu voi” mới đúng vì cái cây bắc ngang to đùng, tuy cũng cong cong mấy nhịp và có tay vịn nghiêng nghiêng... thế mà Tây nào Mỹ nào Tàu Hồng Kông, Singapore... đua nhau qua lại trên cầu để chụp hình. Giá mà có cái cầu khi thật, chắc còn hấp dẫn hơn và thu hút khách du lịch nhiều hơn. Thế mới biết lâu nay họ đã quá ngán cái cầu bê-tông với những con đường tăm tắp, họ thêm một chút thiên nhiên. Ta mới hiểu tại sao họ thường tổ chức những cuộc đua xe qua những con đường đầy chướng ngại bùn đất.

Dĩ nhiên chúng ta mong giao thông nông thôn ngày càng được cải thiện, chương trình “xóa cầu khi” được thành công để các vùng sâu vùng xa được hưởng những tiện nghi của văn minh, nhưng có lẽ cũng đến lúc phải nghĩ đến cách nào “cứu lấy cầu khi” – như người ta cứu giống cá voi, giống gấu trúc, giống cọp và một số giống thực vật khác – như đặt cầu khi trong khu

vực du lịch, khu làng truyền thống, khu bảo tàng thiên nhiên, vì đây là một nét văn hoá rất đặc sắc ở vùng sông nước Nam bộ, nếu không thì sau này chỉ còn có thể tìm thấy cầu khỉ trong những phòng triển lãm “cắm sờ vào hiện vật” thì thật là đáng tiếc!

### **Real Romantic!**

Cách đây mấy năm, tôi có dịp thấy dòng chữ đó trên các xe buýt chở sinh viên trước cổng trường Harvard, để quảng cáo cho một cuốn phim mới sắp phát hành. Thì ra đã hết cái thời người ta làm phim khai thác tình dục, quảng cáo hình ảnh Adam, Eva, để thu hút giới trẻ, nay người ta làm phim và quảng cáo real romantic (thực sự lãng mạn) mới mong có khách.

Từ ba bốn thập kỷ nay, giới trẻ Âu - Mỹ sống trong một môi trường hoàn toàn giải phóng tình dục, coi quan hệ tình dục như chuyện cơm bữa. Tại Mỹ, các thống kê cho thấy ở lứa tuổi 15 - 17, tỷ lệ đã có quan hệ tình dục rất cao. Giới trẻ còn bị áp lực mạnh của bạn bè cùng lứa. Ai còn “gin” thì bị châm chọc chê bai đủ thứ... đến nỗi muốn theo kịp bạn bè thì phải lao vào sex như mọi người...

Thế rồi không biết tại sao họ đâm ra ngán ngẫm chuyện sex đến tận cổ, họ nhớ tiếc và muốn thực hiện cách sống yêu đương lãng mạn của cha ông ở một thời xa xưa. Tại các trường học, một phong trào “giữ gìn trinh tiết cho đến tuổi kết hôn” được đẩy lên. Họ bắt đầu coi trọng chữ trinh. Thực hiện

việc “Ký hợp đồng trinh tiết” (The abstinence contract) cá nhân, đôi bạn hoặc tập thể. Các tài liệu sách báo phim ảnh thay vì dạy cách làm tình như trước đây thì bây giờ tập trung dạy tiết dục, nhịn, kiêng tình dục, thí dụ tài liệu “Sex can wait” (Tình dục có thể chờ), “Abstinence” (Kiêng cử), “Coping with Sexual Pressures” (Đối phó với áp lực tình dục) và “101 ways to say NO to sex” (101 cách nói KHÔNG với sex!). Họ bắt đầu học cách sống thủy chung, có trách nhiệm với chuyện yêu đương (tài liệu Sexual Responsibility).

Và đặc biệt, một tài liệu hướng dẫn cách sống lãng mạn trong tình yêu, kiểu của cha ông trước đây mà bây giờ họ sung sướng phát hiện lại: Đó là tài liệu “101 cách làm tình mà không làm... vậy” (101 ways to make love without doin’ it – ERT, Santa Cruz, CA, 1991). Trong tài liệu này, họ hướng dẫn cách “làm tình” kiểu mới, rất cụ thể, thí dụ: “Hãy nói cho người kia biết rằng bạn yêu họ”. (Hóa ra lâu nay họ quên phứt chuyện này, tưởng yêu là “làm” chứ không phải “nói”). “Đi xe đạp song song với nhau” (Ai bảo đi xe đạp là khổ? Đi xe đạp sướng lắm chứ!. Đi xe hơi sức mấy mà song song, mà tà tà phải không? - Làm nhớ tới anh chàng nhà thơ của ta đạp xe tà tà theo một cô bé chở một chùm hoa phượng, rồi còn bày đặt hỏi “này em chở mùa hè của tôi đi đâu” [1], nghe thiệt là real romantic!). Rồi “Đi với nhau dưới ánh trăng” (Thì ra lâu nay họ có đề ý trăng đèn chi đâu! – Lại làm ta nhớ tới Xuân Diệu: “Trong vườn đêm ấy trăng nhiều quá; Ánh sáng tuôn đầy các lối đi; Tôi với người yêu qua rất nhẹ; Im lìm không dám nói năng chi!” – Thấy chưa, chẳng những đi sông dưới trăng mà còn không dám hó hé lấy một lời, mới thật là tuyệt vời!). Rồi họ còn dạy sao nữa? “Hãy đưa mắt nhìn nhau” - Để làm gì? - “để cùng chia sẻ ý nghĩ với nhau!”. Trời, bây giờ mới

khám phá ra chuyện đó! Lâu nay, nhìn nhau là hẹn thôi, “OK” là xong ngay, bây giờ “nhìn nhau... không nói”, y như bên... ta vậy, có real romantic không chứ? “Viết những lời yêu thương giấu ở một nơi mà người kia có thể tìm đọc”. Tuyệt chiêu! Nhưng còn thua mình. Mình còn viết những bài thơ tình “giấu hoài trong cặp” chẳng dám cho ai thấy bao giờ! À, đây nữa, cũng lại nhìn nhau: “Hãy nhìn nhau đắm đuối”. Tưởng gì, một nhà thơ mình từ xưa đã viết: “Mắt em là một dòng sông. Hồn anh bơi lặn trong lòng mắt em...” không đắm đuối là gì, một khi vừa bơi lại vừa lặn như vậy? Rồi “Tặng hoa, làm thơ cho nhau, nghe nhạc với nhau, tán tỉnh nhau, nói lời yêu thương bên tai nhau (cũng hơi nhột!) rồi cười với nhau về một chuyện gì đó”. À, cái này làm nhớ tới Lưu Trọng Lư: “Nói chuyện thế gian cười ngất nghèo”... Rồi nữa “Đọc sách với nhau, nấu ăn cho nhau, cùng ngắm mặt trời lặn, cùng ngắm bình minh lên... Nghĩ tới nhau, tìm hiểu vì sao người kia buồn...”. Đại khái “Một trăm lẻ một cách làm tình mà không làm... vậy” mới được khám phá ra, phát hiện lại, được đưa ra hướng dẫn cho các bạn trẻ ở Mỹ những năm gần đây và được các bạn trẻ nhiệt liệt hoan nghênh. Thì ra, đã hết cái thời yêu thương “hùng hục”, bây giờ chuyển sang yêu đương “văn nghệ” ra rít vậy. Nhưng nếu mà họ phát hiện thêm các kiểu của ta chắc họ sẽ có “một ngàn lẻ một cách làm tình” tuyệt diệu hơn nữa. Thí dụ đón trước cổng trường; làm đuôi; leo lên cây khắc tên tùm lum; giấu thư tình dưới hộc bàn; cắt đứt dây chuông (Lan và Điệp), “giết người trong mộng” (Làm sao giết được người trong mộng, để trả thù duyên kiếp phụ phàng, Hàn Mặc Tử); hay lén... hôn lên áo phơi ngoài giậu (Bướm trắng, Nhất Linh), còn siêu nữa là “Xếp tàn y lại để dành hơi” (Tự Đức) mới thật là real romantic!

Có người nghĩ rằng chắc là do bệnh AIDS hoành hành dữ quá nên giới trẻ

Âu Mỹ ngày nay buộc phải trở lại thời kỳ yêu đương lãng mạn của cha ông.  
Tôi chắc không phải vậy!

-----

*[1] Cái anh chàng nhà thơ mà tác giả “hư cấu” là đã “đạp xe tà tà theo một cô bé chở một chùm hoa phượng, mà còn bày đặt hỏi “này em chở mùa hè của tôi đi đâu?” chính là Đỗ Trung Quân. Xin chép ra đây bài thơ “Chút tình đầu”:*

*Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng  
Em chở mùa hè của tôi đi đâu ?  
Chùm phượng vĩ em cầm là tuổi tôi  
mười tám  
Thuở chẳng ai hay thâm lặng - mới tình đầu  
Mới tình đầu của tôi có gì ?  
Chỉ một cơn mưa bay ngoài cửa lớp  
Là áo người trắng cả giấc ngủ mê  
Là bài thơ cứ còn hoài trong cặp  
Giữa giờ chơi mang đến lại mang về  
Mới tình đầu của tôi là anh chàng tội nghiệp  
Mùa hạ leo cổng trường khắc nổi nhớ lên cây  
Người con gái mùa sau biết có còn gặp lại  
Ngày khai trường áo lụa gió thu bay ...  
Mới tình đầu của tôi có gì ?  
Chỉ một cây đàn nhỏ  
Rất vu vơ nhờ bài hát nói giùm  
Ai cũng hiểu - Chỉ một người không hiểu  
Nên có một gã khờ ngong ngịu mãi ... thành câm*

*Những chiếc giỏ xe trưa nay chở đầy hoa phượng*

*Em hái mùa hè trên cây*

*Chở kỷ niệm về nhà*

*Em chở mùa hè đi qua, còn tôi đứng lại*

*Nhớ ngẩn người tà áo lụa nào xa.*

## **Tản mạn Paris**

Tôi đến Paris vào giữa tháng sáu, tháng mà nhà thơ Nguyên Sa bảo “Trời không mưa tôi cũng lạy trời mưa” nên mưa vẫn còn khá nhiều và thời tiết có hôm 11 – 12 độ, lạnh. Có điều mưa ở Paris cũng giống mưa Sài Gòn, làm cái ào rồi nắng ráo hoảnh. Nhiều bữa mặt trời chói sáng cho tới 9- 10 giờ đêm làm tôi không khỏi ngỡ ngàng vì ở nhà quen ngủ sớm dậy sớm. Mọi người ra đường phải trang bị dù (ô), áo mưa, áo ấm khăn khăn. Thế rồi một hôm, một ngày đầu tháng 7, Paris bỗng thay đổi hoàn toàn. Paris như khoác một cái áo mới, nắng vàng rực rỡ, nóng đến 23 độ và các ông tây bà đầm ùn ùn kéo nhau ra đường phơi nắng. Và trời ơi, Paris rún ơi là rún, đến đâu cũng thấy rún, đặc biệt là khu La tinh nổi tiếng với nhiều du khách lũ lượt qua lại. Mọi người khoe rún một cách thoải mái với những kiểu quần áo không biết đã chuẩn bị từ bao giờ, bày rún ra đủ kiểu, rún trắng rún vàng rún đen rún xám, rún lồi và rún lõm. Và hàng hoá bắt đầu bán “xôn”, đại hạ giá. Đi đâu cũng thấy người ta chuẩn bị cho kỳ nghỉ hè. Các đồng nghiệp bác sĩ bạn tôi cũng chuẩn bị nghỉ “vacance” cả tháng. Họ nói cái tháng tám này, Paris trông vắng, mọi người đổ xô nhau đi nghỉ hè nên mở phòng mạch cũng chẳng có ma nào đến khám. Dĩ nhiên bệnh viện phải tổ chức trực cấp cứu. Còn báo chí thì thôi bày vẽ đủ kiểu làm sao cho da nâu giòn mà không bị cháy nắng, không bị ung thư. Rồi cả một chiến dịch quảng cáo rầm rộ chỉ

dẫn mọi người cách làm sao cho gầy ốm, cho có eo trong mùa hè. Sách vở bày vẽ đủ kiểu từ cách ăn mặc, tập luyện, suy tư sao cho cơ thể được mảnh mai. Tội nghiệp, giá mà cứ rau muống hột vịt như mình thì đâu đến nỗi khổ như thế. Nghĩ lại thấy mình lâu nay may mắn nhờ cà pháo, tương chao, giá sống mà người nào cũng thon thả, xinh xắn (suy dinh dưỡng vừa phải, và nếu suy dinh dưỡng nặng thì sẽ thành người mẫu thời trang đó!), nhưng nay cũng bắt đầu báo động. Ở quận 13, nơi đông người Việt, mấy bà đầm Việt Nam đã lên cân hơi bộn rồi!

Rồi chuyện bầu bì. Ở Paris, ai có bầu thì mừng lắm, khoe ra ngay. Tìm cách gì đó để bày bụng ra cho người ta biết mình đang có bầu. Thì ra nhiều bà đầm không sao để được, cứ phải chạy vạy sang nước thứ ba xin con nuôi, nên họ khuyến khích sinh đẻ dữ lắm. Báo chí giới thiệu các bà bầu như những “gương điển hình tiên tiến”, phỏng vấn chụp hình lia lịa. Có một cô người mẫu hùng hồn tuyên bố là sẽ làm đám cưới ngay với anh chàng đã vừa tặng cô cái bầu tuyệt diệu. Thì ra lâu nay cô ta tìm mãi mới có được một người đàn ông như thế. Nghĩ lại bên mình, ai có bầu thì lo sốt vó, nghe có bầu thì đôi khi còn “quất ngựa truy phong”. Một hiện tượng đáng ghi nhận nữa là đồng tính luyện ái. Sách vở đề cập cổ vũ vấn đề này hơi nhiều! Đã có những cuộc biểu tình vận động cho người đồng tính luyện ái có quyền có nhà ở, việc làm, cưới hỏi... như những người khác. AIDS, các căn bệnh lây qua đường tình dục, ma túy, thuốc lá v.v... là những vấn đề y tế cộng đồng lớn ở Pháp, đặc biệt trong giới trẻ. Tôi thực sự ngạc nhiên thấy giới trẻ nữ hút thuốc lá quá nhiều trong khi nam gần như giảm hẳn. Các nhà xã hội học và y học ngao ngán lắc đầu không tìm ra cách không chế hút thuốc lá giới nữ trong khi tỷ lệ ung thư cứ càng ngày càng gia tăng. Rượu và tai nạn giao

thông trong giới trẻ cũng là một vấn đề được các giới chức quan tâm. Về AIDS, họ khác với mình, gái mại dâm sử dụng bao cao su 100% là truyền thống từ xưa nên không đáng lo, trái lại giới trẻ có tỷ lệ quan hệ tình dục khá cao thì không chịu dùng bao cao su. Đến nay nhờ tích cực vận động, đẩy mạnh các chương trình truyền thông mà giới trẻ đã bắt đầu chấp nhận, nhưng cũng chỉ đạt 50% mà thôi.

Cũng phải nói thêm rằng môi trường Paris không sạch sẽ lắm vì có quá nhiều... cứt chó. Người thì nghiêm chỉnh, to-let tự động ở khắp mọi nơi, cứ nhét vào 2F là cửa tự động mở, xong rồi thì tự động làm vệ sinh đầu đó đang hoàng, nhưng chó thì thoải mái, tự do phóng uế... mà khổ nỗi bà đầm nào cũng nuôi một con chó.

Nói chung, Paris vẫn tuyệt vời, văn minh và hiếu khách. Đi giữa Paris có cảm giác an toàn tốt hơn ở một số thành phố lớn khác. Hệ thống giao thông công cộng rất tốt. Các viện bảo tàng khổng lồ và cuốn hút một cách kỳ lạ. Các nhà thờ cổ xưa tuyệt đẹp. Khu Montmartre, đằng sau Sacré Coeur, các họa sĩ sẵn sàng vẽ cho bạn một cái chân dung. Tôi gặp một họa sĩ người Việt ở đó, anh nói tiếng Việt không rành, bảo từ sáng tới giờ mới “làm được ba cái đầu”, và mỗi ngày anh kiếm trung bình 1.000F nhờ vẽ chân dung cho du khách. Ở bảo tàng người sáp Grévin, bạn có thể nhầm người sáp với người thật dễ dàng, và tôi đã nhầm như thế khi gặp một người sáp, chào, không nói, nên lúc gặp người thật tưởng sáp, bèn sờ thử một cái!

Giới thầy thuốc Pháp vẫn như đang băn khoăn giữa hai khuynh hướng: nền y khoa kỹ thuật cao và một nền y khoa nhân bản, toàn diện. Người dân Pháp hình như thích nền y học nhân văn, một nền y học xanh (Medecine verte) hơn, như nhiều sách báo đã đề cập.

### **Trang của một thời...**

Mỗi tuổi là một tuổi mới toanh. Tuổi nào cũng có trang phục riêng của nó. Không phải do từ bên ngoài sắp đặt mà như do tự bên trong khơi mở, bảo ban. Có cái tuổi người ta thích mặc áo chên hở rún, như muốn rao lên: rún đây, rún đây; chưa đủ, người ta còn viết thêm dòng chữ Love me, Kiss me... thì có cái tuổi người ta thay chiếc áo dài phong phanh “ba phần gió thổi một phần mây” [1] bằng chiếc áo dài nặng nặng hơn, nhạt nhòa hơn, đầm thắm hơn, sâu lắng hơn. Chính ở cái tuổi chông chênh đó của người phụ nữ, cái tuổi có những cột mốc thì thầm, tuổi chuyển mùa như lá trên cành, từ cái bông bột sôi nổi, sang cái nền nã, dịu dàng, giản dị mà sang trọng, người ta đã nhìn ngắm vào bên trong mình hơn là nhìn người qua phố, và người ta đã góp phần làm cho cuộc sống thăng hoa. Một người 40 tuổi có vẻ già dặn hơn 20, nhưng với người 60, thì 40 hãy cứ còn là nhỏ xíu, cũng như người 80 nhìn về 60. Cho nên nói mỗi tuổi là một tuổi mới toanh, mỗi trang là của một thời đó vậy.

Nhưng sao lại cứ phải có trang phục áo dài rồi trang phục làm việc, công sở, rồi trang phục dạ hội. Làm như không thể nào có cái áo dài cho cả công sở

và cả dạ hội hay sao. Cái áo dài của người phụ nữ Việt Nam tự dung bị đưa vào “truyền thống”, trở thành một thứ đồ cổ hay sao. Tại sao cứ phải vái đầm xẻ dọc xẻ ngang cho công sở và các kiểu bày biện nọ kia cho dạ hội. Cái áo dài không đủ trăm phương ngàn kế để biến tấu tuyệt vời hay sao. Nhìn những trang phục công sở dạ hội sao thấy không khác các phụ nữ các nước. Thời trang không dừng lại ở nếp lụa là, nhung gấm – thời trang... và còn hơn thế nữa – là cái khoẻ khoắn, cái hồn hậu nhu mì, cái đầm thắm dịu dàng, cái chín chắn tinh hoa của trí tuệ ở đằng sau kia, ở bên trong kia. Ở cái tuổi chín muồi đó, người ta không chỉ biết quan tâm đến mình mà quan tâm đến những xung quanh, những tại sao, ai đó, ở đâu, lúc nào..., nghĩa là đến phần hồn kia, người ta biết tìm cái trội hơn những phù phiếm tàn phai...

Nhà hát Bến Thành đêm chung kết “Thời trang tuổi 40”, khán phòng chật ních những chồng, những con, những bạn bè em cháu... Họ đến và thật dễ thương, vỗ tay từng chập, cổ vũ cho... vợ mình, mẹ mình, chị mình, em mình, bà ngoại mình... ; còn những “thí sinh” kia thì vầy vầy – không dễ làm dáng với Ban giám khảo, với khán giả mà với người nhà của mình đang ngồi ở một góc nào đó đã biết trước. Sài Gòn đột nhiên ướp một chút thu. Trời như hơi ướt, nặng nặng, một chút gió dịu dàng làm cho người đi trên phố bỗng yếu điệu ra, ấy là nhờ cơn áp thấp nhiệt đới rót qua giữa tháng 10 còn nắng nóng. Sài Gòn không có mùa thu nên thu Sài Gòn mới dễ thương làm sao.

Chắc vì thế mà đêm vui trang phục của một thời đã có thể tự hào về một mùa thu mà “lá không vàng lá không rụng lá lại thêm xanh” của những

người tuổi mới 40.

1999

-----  
*[1] Khi nhắc đến chiếc áo dài phong phanh..., BS Ngọc nói vui là: “ba phần gió thổi một phần mây”, phỏng theo câu thơ “Hai phần gió thổi, một phần mây” của Nguyên Sa trong bài Tương tư. Xin trích:*

*Có phải em mang trên áo bay  
Hai phần gió thổi, một phần mây  
Hay là em gói mây trong áo  
Rồi thả cho làn áo trắng bay?*

**Những người trẻ lạ lùng**

**Phần III**

**Chuyện kể về một bài thơ...**

Hồi đó, đầu thập niên 60, phải đến năm thứ ba y khoa, chúng tôi mới được thực tập đỡ đẻ trên người. Mỗi sinh viên phải đỡ ít nhất 20 ca sinh thường, không có bệnh lý, trong đợt thực tập tại bệnh viện Từ Dũ. Tối tối, chúng tôi túc trực ở phòng nhận bệnh để “bắt ca” với sự giúp đỡ của các cô nữ hộ sinh

có nhiều kinh nghiệm. Một hôm, đợi đã khuya, chưa bắt được ca nào, tôi đã hơi nản thì một cô nữ hộ sinh bỗng kêu: “Có ca 4cm, ông thầy có nhận không này?”. Thời đó các cô gọi chúng tôi là “ông thầy” thân mật dù chúng tôi chỉ là sinh viên y khoa. “Ca 4cm” là ca mà cổ tử cung đã nở gần trọn, sắp sanh. Tôi mừng quá, nhận lời ngay. Tôi đưa sản phụ lên phòng sanh, thăm khám, làm vệ sinh các thứ, theo dõi con co tử cung, ghi chép cẩn thận vào bệnh án rồi còn ngồi bên trò chuyện cho sản phụ quên đau. Tôi nghĩ đến mẹ mình, đến những giọt mồ hôi của biết bao bà mẹ chờ sanh khác. Đến gần sáng thì con đau đã rớt. “Lúng túng” một cách lành nghề, tôi cũng đã đỡ được ca đầu tiên mẹ tròn con vuông! Lòng lâng lâng tôi đẩy xe cho hai mẹ con về phòng, rồi viết bản phúc trình. Trời đã hửng sáng. Bên ngoài khung kính cửa phòng sanh, Sài Gòn vẫn tấp nập và hùng hực không khí ngọt ngào những ngày tháng của năm 1965. Đột nhiên, một cảm xúc dâng trào trong lòng, tôi viết liền một mạch ngay sau phần bệnh án một bài thơ nhỏ:

### *THƯ CHO BÉ SƠ SINH*

*Khi em cất tiếng khóc chào đời  
Anh đại diện đời chào em bằng nụ cười  
Lớn lên nhớ đừng hỏi tại sao có kẻ cười người khóc  
Trong cùng một cảnh ngộ nghe em!*

*Anh nhỏ vào mắt em thứ thuốc màu nâu  
Nói là để chữa đau mắt  
Ngay lúc đó em đã không nhìn đời qua mắt thực  
Nhớ đừng hỏi vì sao đời tối đen*

*Khi anh cắt rún cho em  
Anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé  
Vì từ nay em đã phải cô đơn  
Em đã phải xa địa đàn lòng Mẹ*

*Em là gái là trai anh chẳng quan tâm  
Nhưng khi biết em thẹn thùng  
Sẽ biết thế nào là nước mắt trong đêm  
Khi tình yêu tìm đến!*

*Anh đã không quên buộc étiquette vào tay em  
Em được dán nhãn hiệu từ giây phút ấy  
Nhớ đừng tự hỏi tôi là ai khi lớn khôn  
Cũng đừng ngạc nhiên sao đời nhiều nhãn hiệu!*

*Khi em mở mắt ngỡ ngàng nhìn anh  
Anh cũng ngỡ ngàng nhìn em qua khung kính cửa  
Một ngày đã thức giấc vội vàng với hoang mang  
Với những danh từ đao to búa lớn  
Để bịp lừa để đổ máu đỏ em...*

*Thôi trân trọng chào em  
Mời em nhập cuộc  
Chúng mình cùng chung  
Số phận  
Con người...*

(BV Từ Dũ, Saigon 1965)

Sáng hôm sau, Giáo sư Minh đọc bản tường trình của tôi, gọi tôi vào rầy: “Đỡ dể không lo đỡ dể, lo làm thơ!”. Tôi biết thầy không giận vì tuy rầy mà giọng thầy lại ấm áp. Một ngày sau, chẳng ngờ bài thơ viết vội trong đêm trực đó đã được phổ biến nhanh chóng trong giới sinh viên và nữ hộ sinh. Ai đó đã viết bài thơ lên bảng. Bài thơ được đăng trên báo Tình thương – một tờ báo của sinh viên y khoa và in lại trong tập thơ “Tình người” của tôi năm 1967, do Thân Trọng Minh, người bạn cùng khoá, sau này là một bác sĩ tim mạch có tiếng kiêm hoạ sĩ trình bày bìa, với tranh của Cocteau. Bác sĩ Lương Phán cũng chọn đăng “Thư cho bé sơ sinh” vào một tạp chí y khoa do ông phụ trách thời đó, khoảng 1973. Điều thú vị là sau ngày Giải phóng, nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu đến thăm tôi, chỉ đề tặng cho tác giả thơ bài hát “Thư cho bé sơ sinh” do anh phổ nhạc từ trong nhà tù nhờ đọc được cuốn tạp chí y học của Bác sĩ Lương Phán. Trước đó, chúng tôi chưa hề quen nhau. Tôi chỉ biết anh với những bài nổi tiếng Trường làng tôi và Mùa thu không trở lại...

Chuyện chẳng có gì đáng kể nếu mới đây tôi không có dịp làm việc với ba vị bác sĩ, là giáo viên của Trường trung học y tế tỉnh Phú Thọ lần đầu tiên vào Tp. Hồ Chí Minh và miền Nam. Trong lúc chuyện trò, bác sĩ Phạm Hữu Trí, Phó giám đốc Sở y tế Bà Rịa – Vũng Tàu tình cờ nhắc đến bài thơ “Thư cho bé sơ sinh” của tôi 35 năm về trước mà anh còn nhớ thì thầy Nguyễn Hồng Hải, một trong ba bác sĩ của Phú Thọ bỗng chồm lên, ôm lấy tôi, mừng rỡ:

“Thế ra anh chính là tác giả bài thơ đó ư?”. Rồi thầy đọc liền một mạch bài thơ. Thầy nói năm nào dạy lớp nữ hộ sinh ở Trường nữ trung học y tế Phú Thọ, thầy đều đọc cho họ nghe bài thơ mà thầy không biết tác giả là ai, chỉ nói khuyết danh mà thôi. Thầy cho biết đã thuộc bài thơ qua một người bạn từ 18 năm về trước ở miền Bắc.

Chú bé sơ sinh của tôi lúc đó thì nay đã 35 tuổi rồi còn gì! Mới thôi!

9 – 2000

### **Độc thơ Phan Như**

Làm sao mà người ta lớn lên bên một dòng sông ngát xanh màu áo tím đỏ, với những tiếng chuông chùa lung linh trên mặt nước lờ lững đó, mà có thể không làm thơ? Cho nên như những chàng trai xứ Huế khác, Phan Như đã làm thơ. Mà có lẽ anh cũng đã làm thơ từ lâu lắm rồi, nhưng mãi đến bây giờ mới chia sẻ cùng chúng ta.

*Xin một lần giữa dòng Hương ngát*

*Tắm trần truồng giỡn với nước mây*

*(Cùng với nước mây)*

Hiển nhiên là anh đã tắm trần truồng nhiều lần trên dòng sông đó, những ngày còn thơ. Nhưng đến bây giờ ở tuổi “gió heo may đã về”, anh vẫn còn thèm tắm một lần hay nhiều lần nữa cũng trần truồng như thế giữa một đêm

sáng trắng hoặc một chiều nhạt nắng. Người Huế yêu Huế không cần phải nói nhiều hơn.

Rồi cũng như bao chàng trai xứ Huế khác, Phan Như đa tình. Không đa tình sao được khi mà anh chỉ nhớ ở trong lòng con đường trước cổng trường của ai kia với tiếng guốc vông dịu dàng gõ vào lòng ngực trẻ, để rồi:

*Ước chi đời anh là đôi guốc vông*

*Nằm dưới chân em*

....

*Ước chi lòng anh là quai guốc xinh*

*Buộc ngón chân em...*

*(Guốc vông)*

Bỗng nhớ “Tôi xin làm đá cuội mà lăn theo gót hài” của người nhạc sĩ họ Trịnh. Phan Như không chỉ lăn theo, anh còn muốn dính vào, muốn buộc chặt vì chỉ có thế mới không sợ lìa xa.

Và không đa tình sao được khi mà một cọng sen trong hồ tĩnh cũng làm người ta nhớ quay nhớ quất:

*Tôi cầm một cọng liên xanh*

*Nhớ em bàn tay công chúa*

*Đã dịu dàng gõ vào trái tim*

*Cho đến khi máu ứa*

*(Sen tĩnh)*

Tịnh, mà không tịnh, bởi vì người ta quá đa tình, đa tình với cả vật áo ni.

*Áo ni mấy bận theo vào hạ  
Nắng vàng còn gợn thoáng lưng ong*

....

*Kinh thư có ắm bàn tay ngọc  
Đốc núi xin đừng đau gót chân...  
(Năm năm mắt vẫn xanh màu biếc)*

Cho nên cũng dễ hiểu thôi, một chiều nào đó, nhìn tiếng chuông chùa lẫn tẩn trên mặt nước, người ta không khỏi chạnh lòng mà ao ước:

*Mai kia xuống tóc tìm sơn Khê  
Liếp cỏ một gian gió đi về  
Nhớ em niệm A Di Đà Phật  
Vách núi nhìn trăng lạnh dưới khe  
(Bỏ vợ đi tu)*

A Di Đà Phật! Nói vậy mà không phải vậy. Rồi anh lại lẳng lặng quay về bên người yêu dấu, một sợi tóc mai, một mùi hương cũ không thể nào quên :

*Thôi tôi phải trở về  
Không hiểu vì sao tôi phải trở về*

....

*Một sợi tóc mai  
Một mùi hương cũ...  
(Nịnh vợ ca)*

Như vậy, Phan Như không chỉ là một chàng trai đa tình, anh còn đôn hậu, thủy chung. Anh có một triết lý sống rất đáng yêu, chấp nhận thua thiệt trong cuộc xoay vần hôm nay :

*Ta nằm ngó con thuyền lui tới  
Sợ tình chùng rồi sợ tình căng  
Thuyền bằng giấy đâu cần bánh lái  
Quả đất tròn ta cũng đi quanh  
(Sóng vỗ mạn đời)*

Tôi yêu cái hồn nhiên mà cũng lạc quan trong thơ Phan Như :

*Nào có can chi đời hữu hạn  
Sống mà gặp nhau đã đẹp vô cùng  
Nào có can chi đời lặn dận  
Giữa trái tim ta có nụ cười hồng...  
(Sống mà gặp nhau đã đẹp vô cùng)*

Có lẽ chính vì thế mà Phan Như đã làm thơ. Làm thơ cho tình, làm thơ cho mình và làm thơ cho bạn bè anh em. Thơ như một giải thoát.

Thơ Phan Như chân thật, không làm dáng, kiêu cách. Thơ anh như rót tự đáy lòng mình. Không có kỹ thuật cầu kỳ, hình ảnh chải chuốt mà đôi khi âm điệu như có cái gì quen thuộc nhưng vẫn làm ta mãi băng khuâng:

*Thôi xin chào đôi mắt màu rêu*

*Đã ngậm ngùi xa dấu nhìn theo  
Tôi đâu dám phụ phàng chi mấy  
Nhưng ra đi là chuyện đã liêu  
(Giã biệt tình châu)*

Tôi là người thầy thuốc bạn anh, không phải là người làm thơ thứ thiệt, vậy mà anh đã tin cậy gửi Sóng vỗ mạn đời, tập thơ bản thảo đầu tay nhờ tôi viết đôi dòng cảm nghĩ, cho nên “Tôi đâu dám phụ phàng chi mấy...” bèn có đôi lời.

1999

### **Đời thường Giáo sư Trần Văn Khê...**

Theo lời chỉ dẫn của ông qua điện thoại, tôi lên métro tới trạm cuối Villejuif-Louis Aragon, chuyển sang xe bus đi về phía ngoại ô thêm chừng bốn năm trạm nữa, rồi đi bộ thêm một quãng thì đến một chung cư nhỏ nơi ông ở. Đã gần tám giờ tối rồi nhưng Paris đang là mùa hè nên nắng vẫn còn chói sáng. Thấy tên ông nằm ở tầng thứ chín của chung cư, sau một hồi đi đủ thứ loại xe rồi cuộc bộ tôi đã thấy hoải. May mà có thang máy. Cái thang máy nhỏ xíu, hai người đi thì vừa. Ở Paris, ăn thì không bao nhiêu chứ ở thì rất đắt, người càng nghèo thì càng phải ở tầng cao và phải ra ngoại ô cho đỡ tốn kém.

Cửa thang máy vừa mở, đã thấy ông tươi cười đứng đợi. Chưa gặp ông lần nào nhưng tôi và ông cũng đã quen biết nhau qua thư từ vì ông vốn là bạn thiếu thời của cậu tôi, ông Ngu Í Nguyền Hữu Ngu, nên nhân dịp đến Paris công tác tôi ghé thăm ông, cũng là để xem ông đau yếu ra sao mà nghe ông than trong một bài thơ mới đây là “vào ra bệnh viện biết bao lần”. Có lần nghe nói ông sắp phải mổ cột sống vì đi lại khó khăn nữa.

Trước mặt tôi là một Trần Văn Khê vui vẻ, tươi cười, vạm vỡ trong chiếc áo pull vàng, tóc đen nhánh, chải bông lên phái trước... trông rất trẻ, nhưng nhìn kỹ thì lông mày bạc trắng đằng sau đôi kiếng cận dày cộm, các nếp nhăn ở đuôi mắt... không giấu được tuổi tác của một lão nhạc sư tuổi sắp tám mươi, tiên phong đạo cốt. Thì ra ông mới từ Canada về, tôi nghĩ tóc nhuộm còn đen nhánh, nhưng lông mày không nhuộm nên cứ trắng phau, còn nhánh tóc bông bênh phía trước kia chắc là để che bớt chỗ hói (Sau này tôi mới biết ông không hề nhuộm tóc!). Hai chú cháu ôm chầm nhau mừng rỡ. Tôi cười: chú ở chót vót trên này à? Ông cũng cười: trên đầu chú không còn ai nữa, chỉ có người hàng xóm bên cạnh, mà cũng đã đi nghỉ hè rồi!

Ông đưa tôi vào căn hộ bốn phòng nhỏ tràn ngập sách báo, băng từ ngổn ngang bừa bãi và đờn, ôi đủ thứ đờn, trên sàn, trên vách, giăng mắc khắp nơi. Ông sống đơn độc một mình, thỉnh thoảng con cái, bạn bè đến thăm. Ông nói: chú vừa ở Canada về, bắt tay ngay vào việc. Đang viết bài trả lời cho một nữ sĩ về cuốn Tiểu phẩm của chú đây. Rồi ông dẫn tôi xuống bếp. – Chú đoán là cháu chưa ăn cơm, nên chuẩn bị cơm mời cháu luôn đây rồi! Tôi gật đầu rồi xuống bếp phụ làm. Ông không cho: cháu cứ ngồi vào bàn,

để chú làm vì chú quen rồi – ông nói. Từ mấy chục năm nay, hình như ông đã quen sống một mình rồi. Nắng vẫn còn rực sáng qua khung cửa kính nhà bếp. Nóng quá. Ông mở quạt vù vù. Ở đây mùa này phải có quạt mới chịu nổi, ông nói vậy. Rồi ông mở tủ lạnh, lấy ra hai vắt cơm gói kín trong bọc ni-lông, mỗi người một vắt, cỡ bằng một chén. – Đủ không? – Dạ đủ. Tôi nói đủ vì đã quen cách ăn rất ít tinh bột của Tây rồi, không như mình “lấy cơm làm gốc”, vả lại tôi còn cả thùng mì gói ở nhà. Ông cho hai gói cơm vào micro-onde, hấp lại. Xong lấy ra một tô khỏ qua nhồi thịt. May quá, ông nói: chị Tường Vân mới cho chú món này. Lại cho vào nồi hấp. Tôi nghĩ chắc phải hấp năm phút mới đủ, nhưng ông vội, chỉ hấp chừng hai ba phút nên vẫn còn nguội và cứng ngắt. Rồi món gà xào sả, gà công nghiệp chặt to xào mặn. Bình thường dĩ nhiên ông ăn uống còn đơn giản hơn nhiều. Nhưng ông rất sáng khoái, tự nhiên và hết sức thoải mái. Ông nói cơm ở đây họ gói sẵn như vậy, ăn mấy phần thì mua; đồ ăn cũng vậy. Rác thì cho vào cái ống này, chảy luôn xuống hầm rác, không phải đi đổ. – Chú ở một mình quen rồi, thấy dễ chịu lắm. À mà cháu có ăn dưa chuột không? – Ông khoe vì còn món dưa chuột trong tủ lạnh. – Cháu có muốn gọt vỏ không? Không gọt vỏ thì phải rửa cho kỹ vì sợ thuốc trừ sâu. Rồi ông đi rửa thiệt kỹ vì tôi nói ăn cả vỏ thì tốt hơn. Tôi hỏi ớt, không có. – Chỉ có chai tương ớt Singapore, coi đẹp chứ không cay – ông nói. Rồi ông giải thích thêm: chú bị trĩ, không dám ăn ớt. Tôi không khám cũng biết ông bị trĩ, bị bón nặng rồi, vì khi vào toilet, thấy ông bày nào tranh tầu, nào sách báo tây ta cả chồng trong đó! Ngồi ăn với tôi, chốc chốc thấy ông uống thuốc, uống như một phản xạ. Thuốc đã bày sẵn trên bàn lúc nào mà không hay. Tôi giật mình: chú uống thuốc gì mà đủ thứ vậy? – Chú bị đau thần kinh tọa, lại bị tiểu đường, trĩ... hôm trước phải chích, nay đổi qua uống. Mỗi ngày uống ... 22 viên! Tôi sợ là sống một mình như ông, uống thuốc tùm lum có hôm bị trúng thuốc hoặc sặc thuốc thì

rất nguy hiểm. Ăn uống xong, ông đưa tôi đến bàn vi tính: chú đang viết dở bài này. Chờ chú viết mấy dòng nữa cho xong rồi cháu góp ý cho chú nhé. Ông ngồi vào máy, gò lưng... gõ. Trông mái tóc đen nhánh bồng lên phía trước, lông mày bạc trắng, các nếp nhăn trĩu xuống ở cổ... mắt lim dim gần như nhắm sau cặp kính cận nặng chình chịch, môi thừ ra phía trước, tập trung vào bài viết, tôi không sao dần được ý muốn ghi lại cái nét ngộ nghĩnh của nhà học giả lừng danh này trong nếp sống đời thường – bên ngoài những buổi trình diễn trịnh trọng veston cà vạt trên sân khấu, bên ngoài những bó hoa trao tặng với các nụ cười xã giao rôm rả. Tôi thích ông trong dáng vẻ tự nhiên, trong nếp sống đời thường, mộc mạc, chân tình, có những nét rất rõ của một người đứng tuổi độc thân, cũng tiết kiệm, cũng cẩn thận, cũng ham uống thuốc... và có thể cũng hay giận hờn, hay quên, dễ xúc động... và hay nói về những kỷ niệm xưa cũ. Tôi quan sát ông theo một thói quen nghề nghiệp. Tôi lay quay tìm mảnh giấy để vẽ mà không thấy. Tôi lấy cái bì thư trên bàn, nguệch ngoạc mấy nét, tạm được, nhưng chưa vừa ý. Chợt nhớ ra, tôi trở lại bàn ăn lấy mảnh khăn giấy mềm, phác nhanh mấy nét một Trần Văn Khê mặc áo thun, đang... hì hục trước máy vi tính, đánh bài trả lời một nữ sĩ. Đây rồi, đúng là chú Khê, hết chối cãi nhé! Tôi khoái lắm, cất kỹ. Ông hoàn toàn không biết tôi đã vẽ cho ông một bức chân dung ngộ nghĩnh trên mảnh giấy khăn ăn như thế.

Rồi ông mở cho tôi coi cuộn băng video chuyến đi Canada của ông, thu buổi trả lời phỏng vấn của Đài phát thanh Canada gần hai tiếng đồng hồ về nhạc Việt. Nhân ngày “Người cha”, Đài phát thanh Canada có sáng kiến phỏng vấn Nhạc sĩ Trần Quang Khải, con trai ông, cũng là một nhà nhạc học nổi tiếng, đang ở Paris, những cảm nghĩ về cha của mình, đồng thời phỏng vấn

người em ruột của ông, bà Ngọc Sương đang sống ở Canada, về người anh ruột của mình. Cuộc phỏng vấn thật cảm động, cả hai anh em ông đều khóc, những người dự thính cũng rom rớm nước mắt. Bà Ngọc Sương nói, vì cha mẹ mất sớm, ông là anh cả, đã như vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là anh trai của tất cả các em, hết lòng lo cho các em để họ được như ngày hôm nay. Những người dự thính vừa được nghe nói về nhạc Việt, vừa được nghe ông hoà tấu cùng học trò mình, lại được biết thêm về một nét văn hoá phương Đông, về tình gia tộc của một đất nước giàu truyền thống hiếu đễ. Ông trả lời họ là đã rất vui mừng thấy nếp nhà được “cha truyền con nối”, rất tự hào về những người học trò mà ông có dịp cùng họ hoà tấu, nối kết nhiều thế hệ... Ngồi xem lại băng hình mà tôi thấy ông hãy còn xúc động, nghẹn ngào.

Rồi ông nói với tôi: cháu đừng lo, cứ ở chơi, khuya quá thì chú đưa cháu về. Tôi biết métro còn chạy đến quá nửa đêm, nhưng cũng ngại quãng đường xe buýt, nghe ông hứa vậy nhưng nghĩ chuyện lái xe bây giờ của ông chắc là không đơn giản vì chân ông chưa hết đau. Tôi phone cho người em họ đến đón. Đã gần nửa đêm.

Thấy tôi có vẻ chán chừ, ông hỏi: cháu có việc gì đó? Tôi cười, chìa cho ông cái hình vẽ chân dung ông trên mảnh giấy đặc biệt, bấy giờ đã hơi loang ra, ông cầm lên coi rồi khoái chá cười ha hả - Đẹp lắm, giống lắm, ông nói... Cảm ơn, cảm ơn cháu lắm! Rồi tôi lại thấy ông có vẻ chán chừ: chú có việc gì đó nữa? Ông không nói gì cả, bước vào trong phòng ngủ, ôm ra một quyển album to, lật cho tôi coi. Thì ra ông có một điều gì đó không định tỏ bày, nhưng bây giờ ông đột ngột thấy đã đến lúc cần chia sẻ, ông nói: này

cháu xem, đây là cô Đ... Năm ngoái cô từ Mỹ qua đây ở chơi với chú, đi khắp nơi với chú, chụp bao nhiêu là hình đẹp thế này... Vậy mà cô mới chết vì ung thư, cháu có biết không? Mắt ông rướm lệ. Tôi lặng im, từ từ lật từng trang album: một thiếu phụ khoảng năm mươi tuổi, còn rất đẹp, trông hiền lành, thùy mị, đang âu yếm và hạnh phúc bên ông... Thấy tôi như muốn hỏi điều gì, ông trả lời ngay: cô ấy 67 tuổi! Tôi hỏi, khi cô ấy ở đây, cô có biết mình đã bị ung thư chưa... - Chưa cháu à, nên cô ấy mới đồng ý đến với chú. Tôi đã đoán sai tuổi cô, nhưng điều này chắc tôi không sai, tôi tin là cô đã biết mình bệnh, những ngày còn lại, cô đã đến với chú, đi dạo khắp Paris với chú như một cặp tình nhân son trẻ, còn hơn son trẻ, vì mỗi người mang nặng mối u hoài của cả một kiếp người, muốn chan hoà, chia sẻ cho nhau những ngày cuối. Những tấm ảnh đã thực sự nói lên điều đó. Một đôi uyên ương có tuổi rõ ràng là có cái gì đó đầm thắm mà nồng nàn, thiết tha hơn hẳn những cặp uyên ương trẻ, nhất là khi cô biết chẳng còn sống được bao lâu. Thế rồi hai chú cháu ôm lấy nhau. Tôi từ giã ra về, lòng còn lâng lâng. Nếu không có người em đợi dưới đường thì có lẽ tôi sẽ ở lại với ông thêm ít lâu nữa.

Bây giờ ngồi viết lại những dòng này tôi còn nhớ rõ con người mộc mạc, chân tình và rất nhạy cảm của ông, một Trần Văn Khê đời thường mà tôi có dịp gặp ở Paris nhân chuyến công tác vừa qua. Nói chung, ông là một... ông già Nam Bộ rất dễ thương!

(Kiến thức ngày nay, 1997)

## **Nguyễn Hiến Lê, một tấm gương kiên nhẫn**

Tháng 12 năm nay là lần giỗ thứ tư ngày ông mất (1912- 1984), ông Nguyễn Hiến Lê sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, học trường Yên Phụ rồi trường Bưởi, tốt nghiệp Công chánh, khăn gói vào Nam ở lứa tuổi 22-23, và được bổ vào làm việc ở Sở thủy lợi Nam Việt, rồi sống tại miền Nam cho tới ngày mất để lại một sự nghiệp trước tác, biên khảo, dịch thuật đồ sộ với khoảng 120 tác phẩm có giá trị cho hậu thế.

Công việc ở Sở thủy lợi của ông lúc đó thực nhàn nhã: đo đạc mực nước sông để làm kế hoạch thủy lợi. Nhờ vậy trong nhiều năm, ông lênh đênh trên các sông rạch miền Nam từ Châu Đốc đến Long Xuyên, Rạch Giá, rồi từ Sóc Trăng, Sa Đéc đến Bạc Liêu, Cần Thơ... ông yêu mến và thuộc lòng cả những câu hò trên sông nước miền Nam và được sống những đêm trăng sáng vắng vặc của quê hương mà ông cho là còn đẹp hơn những đêm trăng mờ ảo ở Hàng Châu của các thi nhân đời Đường.

Gần đây, nhà xuất bản Long an đã cho in lại tập *Gương Kiên nhẫn* trong tủ sách *Gương danh nhân* của ông là một việc đáng mừng. Đọc *Gương Kiên nhẫn*, tôi thấy đời ông quả thực cũng là một tấm gương kiên nhẫn cho thanh niên. Thật vậy, có thể nói đời ông gồm trong hai chữ: Học và Viết. Ông học để viết và viết để học. Sống giản dị, nghiêm cẩn, ỉn dặt, ông âm thầm làm việc trong suốt 40 năm cho đến ngày mất. Không bài bạc, rượu chè, không ham “nhảy đầm” như đa số thanh niên thời đó, ông gần như chỉ có một thú vui duy nhất: đọc sách và tự học thêm. Điều đáng quý là ông đem sở học ra để giúp đời với 120 tác phẩm trong mọi lãnh vực – đặt biệt trong lãnh vực giáo dục thanh niên – như chúng ta đã biết.

Hai môn tự học quan trọng của ông là Hán tự và Anh ngữ. Nhờ Hán tự và Anh ngữ, ông có chìa khoá để mở rộng cánh cửa kiến thức, tiếp xúc cả hai nền học thuật: Cổ học Trung Hoa và Khoa học kỹ thuật Tây phương. Thấm nhuần nho học, giữ được tinh thần nho học, lại có tinh thần khoa học, chuộng tính hiệu quả, năng suất như ông thì thật là hiếm. “Nho học” dễ thủ cựu mà “khoa học” dễ rơi vào thực dụng. Ông giữ được cái trung dung, làm được cái gạch nối giữa cựu học và tân học. Thế hệ trước ông bơ vơ và kêu lên “Cái học ngày nay đã lỡ rồi!” hoặc mai mỉa “Vứt bút lông đi vác bút chì!” (Tú Xương). Ông thì sử dụng được cả bút lông lẫn bút chì, mà còn mài sắc cả hai. Cổ văn Trung Quốc, Đại cương triết học Trung Quốc, Chiến quốc sách, Sử ký Tư Mã Thiên... đến Nhà giáo họ Khổng, Tô Đông Pha, Mạnh Tử... rồi Hiệu năng, Tổ chức công việc theo khoa học, Tự học để thành công, Kim chỉ nam của học sinh, Tương lai trong tay ta v.v... là những minh chứng.

Cách tự học của ông cũng lạ: Hán tự chỉ cần học để nhớ mặt chữ, không cần học đọc – vì không cần để nói mà chỉ để nghiên cứu. Ông nói học như vậy, 6 tháng đã đọc được Tam Quốc Chí nguyên bản không khó. Anh ngữ thì ông chủ trương “muốn hiểu rõ một ngoại ngữ thì phải dịch”. Dịch sao cho không thấy dấu vết dịch, dịch sao cho không thấy phản ý tác giả mà người đọc không ngờ là sách dịch là được!

Còn viết, ngay từ hồi còn lênh đênh trên sông nước miền Nam, ông viết hồi

ký, nhứt ký để tự luyện văn. Đi đâu ông cũng ghi lại cảnh tình, phong tục tạp quán, từ đó, có Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười, Đẻ Thiên Đẻ Thịch, Trên con đường thiên lý... Khi ông học một khoá hàm thụ ở Pháp về tổ chức học, ông thấy đa số người mình thường mơ mộng hơn thực tế, làm việc thường tuý hứng hơn là có kế hoạch, ông viết hàng loạt những cuốn Tổ chức công việc theo khoa học, Tổ chức công việc làm ăn, Kim chỉ nam cho học sinh v.v... Ông chủ trương một tủ sách loại “Học làm người” như tủ sách La Bibliothèque de l’Honnête Homme của Bỉ, Culture Humaine của Pháp, Self-improvement của Anh Mỹ để giúp thanh niên tự rèn luyện, bổ sung cho cái học của nhà trường. Vì theo ông, nhà trường chỉ dạy cho ta cách học, còn mỗi người thì phải tự học suốt đời và học là để hành và hành là để học. Ông viết cũng là để tự học tốt hơn. Muốn viết thì phải đọc, phải nghiên cứu và nhờ đó hiểu sâu hơn. Ông làm việc đều đều mỗi ngày với một nghị lực phi thường, bền bỉ có giờ giấc nhứt định. Ngày đọc sách 5-6 giờ, viết 5-6 giờ. Cứ ngồi vào bàn viết đúng giờ, không cần đợi hứng. “Viết khoảng nửa trang thì hứng đến”. Nhờ vậy, mỗi năm trung bình ông viết 3 cuốn sách, trong 40 năm được 120 tác phẩm, có cuốn hàng ngàn trang, có cuốn hàng trăm trang. Ông viết tự nhiên, thành thực, bình dị, không cần hoa mỹ. Về danh nhân, ông chọn những nhà có tâm hồn cao đẹp, có công với nhân loại để giới thiệu cho thanh niên. Đặc biệt, ông yêu tiếng Việt: ngoài Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam, Tìm hiểu văn phạm, ông còn viết lúc về già Tôi tập viết tiếng Việt, Để tôi đọc lại, nhằm giúp các bạn trẻ tránh những sai lầm trong lúc viết.

Yêu tiếng mẹ thì yêu quê hương. Năm 1973, khi tôi gửi cho ông một bài thơ – Đi cho đỡ nhớ - viết về nỗi ước mơ được đi lại trên con tàu thống nhất Bắc Nam, ông trả lời: “Tôi cũng thèm đi quá. Mong cho mau tới ngày hoà bình

để được đi thăm lại quê hương, để được uống nước dừa Tam Quan, ăn cam xã Đoài, nhãn Hưng Yên, hồng Bạch Hạc, cốm làng Vòng... Ông luôn nhớ đất Bắc: cảnh núi Tản hùng vĩ, cảnh ngã ba Bạch Hạc mênh mông vào mùa nước lớn, cảnh đồng ruộng vắng vắng tiếng sáo diều và thoang thoảng hương lúa, cảnh chợ quê lèo tèo mấy gian cột tre mái rạ với những quán chè tươi...

Dĩ nhiên, đó là quê hương trong trí nhớ. Năm 1979, ông được mời dự Hội nghị khoa học toàn quốc về vấn đề Giữ gìn sự trong sáng trong tiếng Việt ở Hà Nội, nhưng lần đó ông bệnh không đi được, rồi không có dịp đi nữa.

Ông thường về Long Xuyên, quê hương thứ hai của ông, búi ngùi nghe lại câu hò ngày xưa:

*“... chèo vô Núi Sập lựa con cá khô sặt cho thiệt ngon,  
lựa trái xoài cho thiệt giòn,  
đem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm,  
em về em dọn một bữa cơm  
để cho người quân tử  
hò ơ... để cho người quân tử ăn còn nhớ quê...” [1]*

Với tâm lòng như vậy, dễ hiểu tại sao mặc dù ông có điều kiện để đi xa – vợ con ông ở Pháp từ nhiều năm – nhưng ông chọn ở quê nhà, chết ở quê nhà (ngày 22/12/1984), và được hỏa thiêu tại Thủ Đức. Ông Nguyễn Hiến Lê là một tấm gương kiên nhẫn, đáng quý.

(Báo Thanh Niên, 1988)

-----

*[1] Nguyên văn trong “Hồi Kí Nguyễn Hiến Lê” như thế này:*

*“Chèo vô Núi Sập lựa con khô cá sặt cho thiệt ngon, lựa trái xoài cho thiệt dòn, đem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm.*

*Em về em dọn một bữa cơm, để người quân tử, hò ơ... để người quân tử ăn còn nhớ quê...”*

**Những người trẻ lạ lùng**

#### **Phần IV**

### **Một và kỷ niệm về Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện**

Tôi có may mắn được quen Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện từ hơn mười năm trước, vào khoảng năm 1985, khi ông ghé thăm Bệnh viện Nhi Đồng I, nơi tôi đang công tác. Lần đó ông nhờ tôi viết một bài về sốt xuất huyết Dengue ở trẻ em để ông đăng vào tập sách Tìm hiểu trẻ em của Nhà xuất bản Phụ Nữ do ông làm chủ biên. Từ đó, tôi được nhiều lần gặp ông, đặc biệt trong những năm tôi và Bs. Lâm Văn Điền phụ trách bộ môn Xã hội học – Tâm lý học cho Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế thành phố Hồ Chí Minh, ông đã là cố vấn cho chúng tôi trong những bước đầu bỡ ngỡ để đưa

một bộ môn mới vào một trường đào tạo bác sĩ kiểu mới – bác sĩ đa khoa hướng về cộng đồng. Ông chú ý đặc biệt đến việc thực tập. Ông nói phải xây dựng một bộ hồ sơ bệnh án mẫu về tâm lý trẻ em, và các sinh viên phải làm chừng 10 bệnh án như thế. Ông sợ rằng giảng dạy tâm lý không khéo thì thành lý thuyết suông, xa rời thực tế. Nhiều lần tôi đến thăm ông lúc ông “dưỡng sức” ở Viện Pasteur. Thấy hai ông bà (ông và vợ là Nguyễn Thị Nhất) vừa chăm sóc sức khỏe cho nhau, vừa cùng làm việc với nhau thật là “tâm đầu ý hợp”. Ông có rất nhiều kế hoạch để phát triển NT (Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, một tổ chức phi chính phủ đầu tiên ở Việt Nam do ông sáng lập). Có lần ông gửi tặng tôi cuốn Tự điển tâm lý vừa in, giải thích cho tôi rõ những từ đầy tính sáng tạo, những ý niệm phức tạp được diễn đạt bằng một từ tiếng Việt tương đương, chính xác mà dễ hiểu, chẳng hạn phân biệt lo hãi, lo âu, lo sợ... Tôi thật sự thán phục về tài dùng tiếng Việt của ông khi ông dịch chữ placebo trong y học. Chữ này có người dịch là “giả dược”, nhưng dịch như vậy thì “Tàu” quá, không phải Việt; có người dịch là “thuốc giả” thì càng sai, vì đây không phải thuốc giả, mà là thuốc giống như thuốc thật nhưng vô hại, dùng để thử nghiệm lâm sàng nhằm so sánh với thuốc thật. Ông đã tìm ra một chữ rất tuyệt vời là “thuốc vờ” để dịch chữ placebo đó. Thuốc vờ thì giống như thuốc thật mà không phải thật. Tôi nghĩ một người đã từng dịch Truyện Kiều sang Pháp ngữ như ông mới có được những tìm tòi, suy nghĩ về ngữ nghĩa tiếng Việt tuyệt vời đến vậy. Sau này, mỗi lần ra Hà Nội công tác, dù bận bịu thế nào thì tôi cũng đến thăm ông. Ông rất ân cần, niềm nở, vui vẻ nói chuyện hàng giờ không dứt dù đã yếu, mệt. Có lần một người chở xe ôm chở tôi từ Giảng Võ đến Nguyễn Chế Nghĩa trong một buổi tối trời mưa to đã hỏi tôi có phải đến thăm Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện không, và ông ta chịu khó đợi tôi gần cả giờ mà không phàn nàn dù trước đó tôi hứa vào thăm chừng mười lăm phút. Lần đó, thấy

ông yếu, nằm trên giường, khi có khách ông ngồi cao hơn để tiếp chuyện, gần đó có cái điện thoại, ông nói, nhờ cái điện thoại này mà ông vẫn tiếp tục làm việc với các cộng tác viên bên ngoài dù không đi lại được nữa. Ông “khoe” đã làm xong mấy trăm hồ sơ bệnh án tâm lý trẻ em rồi, đã ra được tập san chuyên ngành, đã tổ chức các chi nhánh của NT ở nơi này nơi khác... Lúc đó tôi đang làm cuốn thuật ngữ về HIV/AIDS, nên trong lúc nói chuyện tôi hỏi ông về vài từ liên quan đến tình dục, tình yêu. Ông nói trong tiếng Pháp chỉ có “Amour” và “Sexe” thì ta có đến những bốn từ: Tình duyên, Tình dục, Tình yêu, Tình nghĩa mà tiếng Pháp không thể dịch được từ Tình duyên, Tình nghĩa! Mỗi từ đều có hàm ý khác nhau nhưng có liên quan mật thiết với nhau, gắn bó chặt chẽ với nhau. “Người đâu gặp gỡ làm chi. Trăm năm biết có duyên vì hay không” là tình duyên đó, chữ “duyên” trong Phật giáo. Tôi hỏi sao không nói Tình yêu trước rồi Tình dục theo thứ tự Tình duyên, Tình yêu, Tình dục, Tình nghĩa, ông cười: “Anh nghĩ theo luân lý, còn tôi nghĩ theo tâm lý”.

BS. Nguyễn Khắc Viện đã mất vào tuổi 85, lúc 2 giờ 45 phút ngày 10/5/1997 tại Hà Nội. Ông là một nhà trí thức lỗi lạc, một nhà văn hoá lớn của Việt Nam. Ông là một tấm gương kiên nhẫn, gương tranh đấu với một nghị lực phi thường đáng cho thế hệ trẻ học tập. Từ những năm 1942 – 1951, ông đã chịu mổ 7 lần, cắt 8 xương sườn, cắt bỏ hẳn phổi bên phải và một phần ba phổi trái vì bệnh lao, trong thời kỳ chưa có thuốc chữa, các giáo sư Pháp lúc đó đã nói ông chỉ có thể sống nhiều lắm là hai năm nữa, thế mà ông đã sống và làm việc tích cực đến 45 năm sau. Ông sinh ngày 5/2/1913 tại Hương Sơn, Hà Tĩnh, tốt nghiệp bác sĩ ở Paris năm 1940, về nước 1963. Ông là người đưa ra phương pháp dưỡng sinh độc đáo, phương pháp “y võ

duỡng sinh” và một “bí kíp” khí công với 48 chữ mà mọi người có thể thực hành:

*Thót bụng thở ra*

*Phình bụng thở vào*

*Hai vai bất động*

*Chân tay thả lỏng*

*Êm, chậm, sâu, đều*

*Bình thường qua mũi*

*Khi gấp qua mồm*

*Tập trung theo dõi*

*Luồng ra luồng vào*

*Đứng ngồi hay nằm*

*Ở đâu cũng được*

*Lúc nào cũng được*

Và ông dặn: “Nhớ là phải theo thật đúng, không được bỏ sót câu nào!”

Bây giờ trong lúc ngồi viết những dòng này, tôi vẫn còn nhớ cặp mắt sáng quắc của ông, giọng nói tuy chậm nhưng rất rõ ràng của một người đầy rẫy “chân khí” trong người, dù tuổi đã cao, sức đã yếu. Chắc ông cũng muốn tằm tằm cười dặn thêm: “Coi chừng tẩu mã nhập ma nếu không theo đúng từng câu từng chữ đó nhé!”. Ông thật là một người minh triết rất dễ thương!

Võ Hồng vào tuổi 80

Tôi quen biết anh từ 30 năm trước ở Nha Trang. Tính về vai vế tôi phải gọi anh bằng... “ông”, vì dì tôi là bạn của con gái lớn anh. Nhưng anh vốn xuề xoà, dễ tính, bảo gọi bằng anh thôi. Còn anh luôn toa, moa với tôi một cách thân mật.

Năm nay có dịp về Nha Trang, tôi ghé thăm anh. Tìm nhà hơi khó vì đường xá mở rộng, nhà cửa thay đổi nhiều. Tôi đang loay hoay tìm cây khế, cây trứng cá “làm dấu” trước nhà thì một bà già đi ngang qua thấy, hỏi tìm ai, “Dạ đi tìm nhà văn Võ Hồng”, bà đáp: “Văn võ nào tôi chả biết, chỉ biết có ông già sống một mình ở ngôi nhà kia thôi!”. Tôi kể lại anh nghe, anh cười ha hả, có vẻ... chịu bà già lắm vì nhà văn Võ Hồng thì không biết mà lại biết anh sống một mình!

Mà thiệt vậy! Vợ anh mất sớm lúc anh hãy còn trẻ. Anh vẫn ở vậy, không tục huyền, dù không ít cô thầm thương trộm nhớ ông thầy giáo, ông nhà văn nho nhã, dễ mến. Anh vẫn gà trống nuôi con. Tất cả đều thành đạt, đều đang sinh sống ở nước ngoài, chỉ còn ông... gà trống ngày một lớn tuổi loay hoay một mình với những người hàng xóm, với cây trứng cá, cây khế và mấy gốc dừa.

Anh nuôi một con chó con làm bạn. Lần tôi đến thăm, anh lững thững ra mở cổng, con chó ủa ra sủa ầm lên. Tôi hơi hoảng hốt: chó có dữ không anh? Anh trả lời tỉnh queo: nó còn hiền hơn moa! Rồi anh dẫn tôi lên gác. Vẫn căn gác nhỏ với một phòng chừng hai chục mét vuông, vừa là chỗ ăn ngủ, làm việc, tiếp khách... lổn nhổn những sách vở, thư từ, bản thảo... Nhờ cái sân thượng phía trước có bóng râm cây khế, cây dừa mà anh còn có chỗ để

mà trầm tư mà hoài cổ nhân... Anh khoe với tôi cái chậu nhỏ trong đó có một cây gai bàn chải mọc dọc hai bên đường. Anh nhớ nó quá nên tìm một gốc về trồng. Anh giấu nó ở một góc sân thượng, sợ người ta trông thấy cho là lập di!

Có lần Đài truyền hình Trung ương làm một bộ phim ngắn về “Thầy Võ Hồng”. Anh rất cảm động khi được về thăm lại trường Bồ Đề cũ, chùa Hải Đức, nhà thờ Chánh toà Nha Trang... nhưng anh vẫn thấy ngượng ngượng khi phải... đóng phim. Rồi cô Thu Trang dạy Cao đẳng sư phạm ở Tuy Hoà, quê hương anh, đã làm một luận văn thạc sĩ ngữ văn về sự nghiệp văn học của anh: “Võ Hồng, nhà văn và tác phẩm” do giáo sư Hoàng Như Mai hướng dẫn, mà người phản biện là tiến sĩ Huỳnh Như Phương ghi nhận xét: mong sớm được thấy in thành sách để giúp bạn đọc hiểu thêm về nhà văn Võ Hồng. Nhắc đến mình, anh như luôn có vẻ ngượng. Năm trước, trong thư gửi tôi, kèm tập thơ mới in của anh, anh viết: “Đọc lại văn mình moa thấy: nếu là văn xuôi thì Ngộ, còn thơ thì Ngượng. Cái gì mà yêu thương, nhớ nhung, đợi chờ... mắc cỡ thấy mò!”. Tôi hiểu anh, bởi vì văn thì còn đổ thừa tại hư cấu, tại tâm lý nhân vật nọ kia, chứ thơ thì hết phương chối cãi! Nhưng theo tôi, văn Võ Hồng đã là một thứ thơ, một thứ thơ xuôi, nhàn nhã, đậm thắm, chân thật... làm xúc động lòng người!

Hỏi anh lúc này có khoẻ không, anh nói khoẻ gì nổi, bệnh rề rề. Nhiều tuổi rồi, con ở xa, bệnh cũng làm biếng đi bệnh viện nữa. Phải nhờ người quen đưa đi khám hoài ngại quá! Vậy mà hôm nghe tôi bệnh nặng, phải đi mổ cấp cứu, anh viết thư: “Mười hai giờ khuya, moa ra sân thượng, quỳ hướng về sao Bắc đẩu hết lòng cầu nguyện cho toa tai qua nạn khỏi...”.

Trở lại chuyện thăm anh ở Nha Trang lần này, tôi thật bất ngờ thấy anh không còn “cô đơn” nữa. Trong phòng anh treo một tấm ảnh chân dung khá lớn của cô đào hát bóng xinh đẹp Lý Linh, người đóng vai Tống Khánh Linh trong phim nhiều tập chiếu trên truyền hình! Thì ra “ông lão” mê cô tài tử này không biết tự bao giờ! Thấy tôi ngỡ ngàng, anh cười: “Đứa cháu mình ở ngoài quê coi phim rồi nói với mình: Cậu ơi, sao mà cô đào đóng phim này giống hết mẹ... Mình giật mình, “kiểm chứng” lại quả là có nhiều nét giống y hết vợ mình hồi đó, nên mình treo ảnh này lên đây”. Anh lại có vẻ ngượng.

Nhớ tết này anh đã tám mươi, tôi thử bói cho anh một quẻ bằng cách mở ngẫu nhiên một trang trong cuốn Trăm tư của anh mà tôi gọi là “bói Võ Hồng”, tình cờ trúng câu 259, câu trao đổi của anh với một “cô nào đó”, chắc là Lý Linh:

- Em như đoá hồng dành cho vương tôn quyền quý, còn anh...

- Câu đó phải do em nói. Tâm hồn anh đẹp và mảnh như hoa. Nên khó nuôi dưỡng, khó chăm sóc. Em đành phụ bạc anh...

Vậy là anh chàng “Tú Uyên” Võ Hồng với “tâm hồn đẹp và mảnh như hoa” đó vẫn chờ đợi nàng Giáng Kiều từ trong tranh một hôm nào đó lại bước ra...

Cậu tôi, ông Ngu Í Nguyễn Hữu Ngu

Bây giờ, mỗi lần nhớ tới cậu tôi thì tôi thường tự hỏi hồi bằng tuổi cậu, tôi có làm được điều gì đó cho ai như cậu đã làm cho tôi không và tự nhiên tôi thấy lòng mình rộng mở, thanh thản, muốn giúp đỡ, chia sẻ. Cho đến năm 12 tuổi, tôi mới được biết cậu, còn trong ký ức mơ hồ của tôi hồi bốn, năm tuổi gì đó, tôi chỉ còn nhớ ông bà Giáo và dì Nga, là cha mẹ là em của cậu. Ông bà Giáo rất hiền, dì Nga cũng hiền. Ông bà và dì Nga sống bằng nghề chăm độm buồm. Tôi thường có dịp đến chơi, coi mọi người chăm lá. Khoảng chín, mười tuổi, tôi về sống ở Phong Điền, Hiệp Nghĩa, lại gặp ông bà Giáo ở gần nhà cậu Năm Ý tôi, trên miếng đất ông cố tôi để lại. Bà Giáo là cô ruột của mẹ tôi, còn ông thì tôi chỉ nghe gọi là ông giáo Hoàn. Khi lớn lên thì tôi biết dì Nga đã mất, cậu Ngu thì nghe nói rất ít, và trong nhà khi nhắc tới cậu, người ta hay gọi “Ngu khùng, Ngu điên”. Mẹ tôi, cậu Năm lớn (Bánh), cậu Năm nhỏ (Ý), cậu Năm Chi đều gọi là “thằng Ngu khùng” bằng giọng triu mến, thương yêu, không ghét bỏ mà có phần quý trọng, nể nang. Tôi lấy làm lạ. Những người nhỏ tuổi hơn như cậu Hội, thì gọi “anh Ngu khùng” bằng một giọng kính nể hơn. Không phải mọi người kính trọng vì ông bà Giáo hiền lành, ông vừa là thầy giáo vừa là thầy thuốc được mọi người trong xóm làng thương mến, mà nể trọng “Ngu khùng” vì cho rằng cậu Ngu học giỏi quá, học giỏi đến hoá khùng, hoá điên. Mà thật, vùng tôi hồi đó không ai học được lên cao như cậu. Tới “Primaire” đã hiếm chó đừng nói đến “Prevet” trường Tây rồi vào học cao đẳng sư phạm như cậu. Nghe nói hình như vùng quê ngoại tôi có hai ngọn núi án ở phía bắc (Tà Cú) và phía Đông (Tà Đặng) nên ai học giỏi quá, học cao quá thế nào cũng xảy ra chuyện không hay. Từ đó, Ngu khùng, Ngu điên vì học giỏi như một huyền thoại bao quanh tôi. Tôi vừa thích vừa sợ, vừa lo lo. Thế rồi đến năm mười hai tuổi, tôi mới được gặp cậu bằng xương bằng thịt lần đầu tiên.

Ba tôi mất, mẹ tôi rời xóm tản cư trong rừng Bàu Lồi, dẫn bốn anh em tôi về thị xã Phan Thiết tá túc ở nhà cô Hai tôi, ngụ trong chùa Hải Nam. Cô Hai và các chị tôi sống bằng nghề chăm lá buông, tôi phụ giúp phơi lá. Cô tôi rất tốt mà cũng rất nghiêm. Cô tôi cũng lại gọi “cậu Ngư Khùng” với cái giọng nể nang. Các anh chị cũng nhắc đến cậu bằng sự mến phục. Mọi người đều khen cậu hiền lành, dễ thương, chỉ khi điên mới kỳ cục, nhưng điên chỉ vì học quá giỏi mà thôi. Thế rồi có lần cậu từ Sài Gòn về Phan Thiết, ở nhà dì ba Lem. Cậu đến thăm mẹ con tôi và bàn với mẹ tôi cho tôi đi học. Trời ơi, đi học, sướng quá, nhưng phải cẩn thận, học vừa thôi chớ học giỏi quá hoá điên như cậu thì nguy, tôi tự nhủ. Tôi thấy cậu ốm nhom, tóc hớt ngắn, quần rộng thùng thình, sơ-mi sạch sẽ nhưng nhàu nhè, chỉ có đôi mắt là sáng rực sau cặp kiếng cận tròn, gọng đồi mồi. Bộ ria mép che bớt cái miệng với hàm răng hơi hô, nhưng nhờ hay cười nên cũng có duyên, mũi hơi quặp, chịu đựng cặp mắt kiếng khá nặng, tay thì ôm một chồng sách báo, đi nghiêng nghiêng tất tả. Lần về đó có cả mẹ tôi. Mẹ tròn trịa, da trắng, tóc quăn, nhanh nhẹn, vui vẻ, hoạt bát. Hôm đó tôi diện bộ đồ “pyjama” do anh Hai con cô tôi may cho, đến nhà dì Ba Lem thăm cậu mẹ. Sau này tôi có viết lại đoạn hồi ký ấy trong một cuốn vở học trò, với cái tựa là “Cậu tôi”, kể lại “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai... cậu nắm lấy tay tôi, dẫn đi trên con đường...” đến trường học. Tiếc là cậu đã làm thất lạc. Bây giờ tôi không viết lại được nữa. Tôi nhớ cậu dẫn tôi đi mua sách vở chuẩn bị vào trường ở nhà sách Vui Vui bên bờ sông Cà Ty gần cầu Phan Thiết. Tôi bẽn lèn, hồi hộp, sung sướng không tả. Tôi vừa đi vừa ngó chừng cậu. Cái huyền thoại học giỏi hoá điên của cậu làm tôi ngờ ngợ, lo lo. Nhưng tôi nghĩ là tôi cũng phải ráng học giỏi. Thà học giỏi hoá điên còn hơn học dở. Trước đây, tôi học trong rừng, vùng kháng chiến quê mẹ tôi, không biết sức học thực của mình ra sao. Mười hai tuổi, biết đọc, biết viết, làm toán khá, còn chưa biết một

chữ “le, la” trong tiếng Pháp, mà hồi đó, học trò tiểu học đã học tiếng Pháp rồi. Tôi hoảng lắm. Cậu thì tỉnh queo, nắm tay tôi kéo vào tiệm sách Vui Vui mua cho nào vở, nào tập, nào viết chì, viết mực, cục gôm, không thiếu một thứ gì. Cậu còn mua cho một cây viết chì màu hai đầu xanh đỏ mà tôi rất khoái. Máy cuốn sách Pháp vỡ lòng, sách Việt, sách toán đủ cả. Cậu thiệt là rành nghề học, tôi nghĩ. Cậu vào tiệm sách mua một lều không dẫn đo suy nghĩ gì cả. Người ta nói đúng, cậu có nghề đi học nên cậu rành quá.

Cậu dẫn tôi đến nhà người bạn cậu, cô Tiểu Sính, vợ thầy Lâm Tô Bông. Thì ra cô là Hiệu trưởng trường tiểu học mà cậu định gởi tôi vào học. Cô cũng ồm nhom, cũng mang kiếng cận trời ạ. Hoá ra người nào học giỏi cũng mang kiếng cận, phải ồm nhom và chắc cũng khùng khùng, điên điên cả sao?

Nhưng cô không có vẻ gì khùng mà lại rất vui vẻ, tử tế. Tôi nghe hai người bàn bạc gì đó với nhau một lúc. Sau đó cô Tiểu Sính dặn dò tôi mấy điều và hẹn ngày cho tôi vào lớp. Lớp ba! Mà người ta đã học cả tháng trước rồi!

Tôi lo sốt vó, không biết có học nổi không. Thế nhưng sau đó mấy ngày, tôi được thầy giáo báo với cô Hiệu trưởng cho lên lớp nhì và vài tháng sau đó cho lên lớp nhất luôn (lớp Năm bây giờ). Lần đó cậu Ngư cho tôi một số sách báo để đọc chơi, Có những cuốn sách hình thật đẹp, vừa có thơ, vừa có hoạ như cuốn Con ve và con kiến của Nguyễn Văn Vĩnh. Tôi muốn mình cũng vẽ được hình, làm được thơ như vậy. Tôi được học bổng toàn phần, nghĩa là được miễn đóng học phí. Tôi chắc là nhờ cậu nói giúp với cô Hiệu trưởng hoàn cảnh gia đình tôi nên mới được như vậy. Nhưng điều kiện nhà trường cho tôi biết là hàng tháng phải học giỏi, phải đứng từ hạng năm trở lên mới tiếp tục lãnh học bổng. Tôi ráng học, thường đứng nhất hay nhì mà thôi. Cuối năm được lãnh thưởng hạng nhất toàn trường, phải kêu xe xích lô chở về chùa. Cô tôi, mẹ tôi và các chị mừng lắm, khuyến khích tôi học. Tôi

không nhớ lúc nào cậu Ngư lại về Phan Thiết lần nữa. Lần này cậu đến trường tìm tôi. Trường Bạch Vân bây giờ đã dời về chùa Bà. Tôi không biết sao mà mình ở cũng chùa mà học cũng chùa. Nhưng chùa Bà Đức Sanh Hội là nơi im ả, sân rộng, cây cao bóng mát thật lý tưởng, lớp học cách điện thờ có một vách ngăn. Lần đó thấy tôi học giỏi, cậu khen ngợi và cởi chiếc đồng hồ đeo tay, cho tôi. Lần đầu tiên tôi có cái đồng hồ đeo tay. Tôi khoái lắm, thấy không thua kém bạn bè nữa. Bây giờ đi đâu, có dịp tôi thường cho mấy nhóc nhỏ trạc tuổi tôi hỏi đó thứ này, thứ khác... là tôi nghĩ đến cậu tôi, nhớ đến cậu. Từ đó, tôi thường thư từ với cậu. Mỗi lần được thư tôi, cậu đều trả lời. Thư cậu viết trên giấy pelure màu xanh, hồng, có khi là giấy họ trò thi, cậu tiết kiệm để dùng. Thỉnh thoảng cậu cho tôi sách, báo. Tôi mê lắm. Thế rồi gia đình tôi đột ngột theo cô Hai tôi dời về thị xã La Gi, Bình Tuy, quê cũ của họ hàng phía nội tôi. Lúc đó tôi đang học đệ thất trường Phan Bội Châu, Phan Thiết, sắp lên đệ lục, mà phải bỏ trường bỏ lớp thì thật là nản!

Hai năm sau Bình Tuy mới có lớp đệ thất đầu tiên của một trường đạo. Tôi xin mẹ cho tôi học lại. Mẹ tôi đồng ý. Cũng lạ, tôi hết học chùa bây giờ đến học nhà thờ. Tôi học không đỡ, liên tiếp nhất lớp, tôi viết thư cho cậu, cậu khuyến khích ráng học. Năm đệ lục, tôi tình cờ gặp cuốn “Kim chỉ nam cho học sinh” của ông Nguyễn Hiến Lê, tôi áp dụng ngay vì thấy cách chỉ dẫn của ông cũng giống cách tôi làm, chỉ khác là ông hệ thống hoá một cách khoa học, làm tôi tự tin hơn. Thấy sức học dư, tôi quyết định nhảy lớp. Tôi viết thư hỏi ý kiến ông Nguyễn Hiến Lê, ông khuyến khích. Tôi thi thí sinh tự do Trung học đệ nhất cấp, đậu.

Thời đó, thi Trung học đệ nhất cấp mỗi năm hai lần, thi viết và cả vấn đáp tất cả các môn. Tỷ lệ đậu từ năm, mười phần trăm, nên ai đậu được cũng

mừng lắm. Tôi viết thư báo tin vui cho cậu và nói muốn vào Sài Gòn học tiếp. Cậu trả lời ngay trên tờ giấy pelure hồng. Đồng ý. Mẹ tôi thấy cậu đồng ý và bà con cũng khuyến khích nên chịu cho tôi đi Sài Gòn “du học”. Thế là tôi từ một nhóc nhà quê đã khăn gói vào Sài Gòn. Ở tạm nhà cậu mợ mấy hôm, rồi tôi tìm chỗ ở trọ, ăn cơm tháng trong xóm Bàn Cờ. Cậu đưa tôi đến xin cho tôi vào học đệ tam (lớp mười) trường trung học Pétrus Ký, một trường nổi tiếng mà ngày xưa cậu đã học, nhưng không còn chỗ. Tôi có người bạn đang học trường tư, rủ tôi ghi danh. Thấy đủ sức, lại tiếp tục học nhảy, thi Tú Tài I, đậu. Lần này cậu dẫn tôi đến trường Võ Trường Toản xin cho tôi vào học lớp đệ Nhất để thi Tú Tài II, tôi được nhận. Cuối năm được phần thưởng danh dự toàn trường và thi đậu Tú Tài II hạng khá, rồi vào Y khoa.

Tôi nghĩ rằng như vậy là tôi đã cố gắng học giỏi để trả ơn mẹ tôi, cho cậu, cho cô Hai tôi. Tôi không sợ học nhiều sẽ điên như cậu nữa. Học bạ của tôi thời gian đầu, cậu ký, thay mặt cho phụ huynh, nhưng sau đó tôi tự ký lấy mà cậu cũng không can hỏi, cậu tin ở tôi. Cậu đối với tôi từ tình cậu cháu sang gần như bạn bè. Cậu kể cho tôi nghe về đủ thứ chuyện về cuộc đời cậu, về những mối tình của cậu và những ước mơ của cậu. Tôi cũng đưa cậu vào bệnh viện tâm thần mấy lần, hết Chợ Quán đến Biên Hoà, và có lần tôi tính học ngành Tâm thần để chữa cho cậu, lúc tôi đang học y khoa năm thứ năm, thực tập tại Chợ Quán. Lần đó, thấy cậu chịu một đợt chạy điện, giật đùng đùng như cá quần quại trên tấm thớt, tôi chịu đựng không nổi, thấy ngành này có vẻ “dã man” quá nên thôi.

Cậu có nhiều bài thơ hay. Bài thơ về bà rất cảm động:

“Má ơi con má điên rồi  
Má còn trông đứng trông ngồi mà chi...”

Rồi trên bàn thờ ông, tôi lại thấy hai câu đối của cậu:

“Mắt mở đã thấy xiềng nô lệ  
Hồn đi còn mơ gió tự do”

Ngày giỗ nào của ông bà, cậu cũng cúng bánh hời. Cậu nói, ông thích món bánh hời thịt quay. Còn nhớ năm 1960, cậu mợ về Hàm Tân làm mộ cho ông bà, tôi cùng cậu mợ và vài người bà con đi bộ từ La Gi lên Hàm Tân dọc theo biển, con đường ngày nhỏ tôi vẫn thường đi lại, dài trên mười lăm cây số. Biển mênh mông, rừng dương vi vút. Đến Nước Nhị, cậu dừng chân nghỉ và nằm lim dim trên đống cát gạch vụn, dưới bóng mát của các bụi dứa gai um tùm nhìn lên trời mây... Một lúc cậu gọi tôi đến và đọc cho tôi nghe bài thơ cậu vừa làm. Tôi còn nhớ mấy câu:

Nằm đây mà ngó lên trời  
Lá cây dứa đã mấy đời đông đưa  
Nằm đây mà nhớ mơ hồ  
Những xanh tóc ấy bây giờ về đâu...

Thì ra cậu nhớ mấy người bạn cũ, đã cùng nhau xây cái giếng Nguồn Chung này cho khách bộ hành qua đường nghỉ ngơi uống nước ngọt nhí từ động cát ra, giữa trưa nắng gắt trên đường dọc biển mênh mông đầy nắng và gió. Bài thơ còn dài, tôi không nhớ hết, trong đó có câu “Ốt, Trì, Di, Thảo xe trâu...”. Trì là ba tôi đã mất từ lâu, cậu Di đã hi sinh, còn chú Thảo bị cọp

vỏ trong rừng thời kháng chiến chống Pháp. Bây giờ giếng đã không còn, chỉ còn mấy miếng gạch vụn. Từ đó lên đến Ngãnh Tam Tân không còn bao xa. Đến Ngãnh, cậu chọn một đồi cao, nhìn về biển, Hòn Bà xa xa, dựa đầu lên động cát và núi Tà Cú, đặt ngôi mộ ông bà và dì Nga ở đó. Cậu dành sẵn một chỗ cho Cậu và một chỗ cho vợ. Rồi cậu đọc cho tôi nghe một bài thơ, tôi còn nhớ hai câu cuối:

Em có ngồi đây mà anh không động đây  
Biển trời này sẽ thỏ thẻ chuyện đời anh

Nay, ngôi mộ hoang vu um tùm cây cối và dứa dại, đã trở nên sầm uất, chắc là ngoài dự kiến của cậu. Cũng dịp đó, tôi chịu trách nhiệm vào Sài Gòn, đi bằng xe lửa để mang mộ bia của ông bà và dì Nga về cho cậu dựng mộ. Tôi đi, mang theo một bức “mật thư” của cậu gửi cho một người con gái ở Sài Gòn, người “em tinh thần” của cậu, người con gái đang có những bài thơ tình sầu đăng trên báo, về sau đã là một nữ sĩ thời danh. Bức thư của cậu dài mấy chục trang pelure trắng, chằng chịt những chữ, ngoằn ngoèo những ghi chú, viết thêm... hình như đã viết trong nhiều ngày tháng. Tất cả những tình cảm sục sôi, yêu thương, hờn giận, uất ức, ngậm ngùi... từ văn chương đến thời sự, từ chuyện chung đến chuyện riêng rải trên từng trang giấy pelure trắng, dày đặc những chữ đọc không ra do cách viết quốc ngữ đặc biệt của cậu. Tôi đến nhà nhà người đó theo địa chỉ cậu dặn, bấm chuông, hỏi người giữ cổng. Một cô gái có vẻ đài các, kiêu xa bước xuống, nhận thư, cảm ơn rồi lẳng lặng đi vào. Tôi nhà quê đứng trân, không dám nhìn, vì sợ bất kính với cậu.

Cậu có những mối “tình tuyệt vọng” lừng lờ mà say đắm, gần như điên, trào

ra, tủa ra trong cách chăm sóc, trong những bức thư, những bài thơ làm cho người đọc hoảng hồn bỏ chạy. Sau này, khi về Hàm Tân, đi Ngã, tôi nhớ lần về đó với cậu nên viết bài thơ “Đêm trên biển Lagi”, in trong tập “Giữa hoàng hôn xưa” của tôi:

Sóng cuốn từng luồng trăng lại trăng  
Đêm Hòn Bà dỗ giấc ai nồng  
Phẳng lì bãi cát buồn hiu ngóng  
Cao vút hàng dương quanh quẽ trông  
Đá cũ mòn riêu hoài đá Ngã  
Nguồn xưa cạn nước vẫn Nguồn Chung  
Về đâu mái tóc xanh ngày ấy  
Câu hỏi ngàn năm có chạnh lòng  
(1990)

Cậu có những người “em tinh thần”, ai cậu cũng hết lòng thương yêu, giúp đỡ. Tôi nhớ một trong những người em tinh thần mà cậu thương quý nhất là nữ sĩ Minh Đức HT, một người ở trời Tây thỉnh thoảng về thăm, lúc nào cũng nghe cậu nhắc đến với lòng tự hào. Có lẽ một phần do ảnh hưởng của nữ sĩ khả ái này, cậu đã đặt cho những người “em tinh thần” khác, dòng họ Minh nào là Minh Ph, Minh X, Minh Kh... ai cũng có một chữ Minh ở đằng trước cho dễ nhận ra nhau. Có khi cả các Minh gặp nhau trong một buổi họp mặt chung vui. Có lúc cậu đưa tôi đến thăm Minh này Minh khác, với ai cậu cũng có những bài thơ, bức thư viết trên đủ thứ loại giấy từ tờ pelure trang trọng đến một mảnh giấy gói đồ, tờ lịch, dụng cụ viết đó. Tình cảm cậu đối với mọi người như tràn ngập, như bão lũ, làm cho nhiều người choáng ngợp, sợ hãi.

Mợ tôi biết hết. Biết mà không hề ghen. Mợ biết các mối tình lơ mơ của cậu là tình nghệ sĩ, tình điên vì quá dạt dào, không tràn ra thì chắc bệnh sẽ nặng hơn. Mợ thì khỏe khoắn, can đảm, chịu khó, chấp nhận yêu thương một người tài hoa mà khùng khùng điên điên như cậu, chịu hết trận này đến trận khác, đưa cậu đi hết nhà thương điên này đến nhà thương điên khác, thì mợ xứng đáng cho cậu khen “làm vợ Tú Xương dễ, làm vợ Sào Nam cũng dễ, làm vợ Ngu Í mới thật khó...” Cậu có bài thơ “Kén Vợ” rất tuyệt vời mà tôi không dám viết ra đây, chỉ có mợ tôi là người “thực nữ” dám chấp nhận bài thơ đó (\*)

Tôi đến nhà chơi, thỉnh thoảng thấy cậu mợ “choảng” nhau bằng tiếng Tây cho con cháu không biết. Mợ đánh bóng bàn, bơi lội, thích hoạt động xã hội, nhờ đó mà cân bằng với những bốc đồng, văn nghệ, văn gùng của cậu. Cho nên kỷ niệm hai mươi năm, cậu làm bài thơ tặng mợ đã sống hai mươi năm “nước lửa” cùng cậu. Có lúc cậu than “không có người yêu để gọi em” vì cậu chỉ gọi mợ bằng tên thôi. Và mợ cũng chỉ xưng tên với cậu. Chắc là do giao kèo từ đầu giữa hai người. Tôi nể phục mợ tôi và tôi thương cậu. Trong những lúc lên cơn, cậu hay tìm đến tôi, nhiều khi nửa đêm về sáng. Tôi đưa cậu vào nhà, lấy cái gì đó cho cậu ăn và ngồi cho cậu trút hết bao bực dọc chừng vài ba tiếng đồng hồ thì cậu dễ chịu trở lại.

Làm văn, viết báo, cậu có nhiều biệt hiệu. Khi thì Trình Nguyên, để nhớ mối tình đầu với cô Trình ở quê nhà; Tân Fong Hiệp do ghép Tam Tân, Phong Điền, Hiệp Nghĩa (là những xã ở huyện Hàm Tân và Hàm Thuận Nam bây giờ), nơi quê ngoại của cậu. Rồi Ngê Bá Lí, Trần Hồng Hùng, Kì Gob Jó Cì... Viết sử thì Fạm Hoàn Mĩ. Dạy học thì Nguyễn Hữu Ngư. Nhưng nhà

báo Nguyền Ngu Í thì được nhiều người biết đến nhất. Trong danh thiếp, lúc đã nổi tiếng là một ký giả chuyên phỏng vấn các vấn đề văn học nghệ thuật cho tạp chí Bách Khoa thời đó, cậu ghi: Jáo sư, kí giả không chuyên nghiệp.

Cuộc đời cậu nhiều truân chuyên, tài hoa nhưng mắc bệnh không thể chữa được. Tuổi lớn, cơn điên lên ngày càng nặng. Có những đợt cậu nằm Dưỡng trí viện Biên Hoà dài ngày, tưởng đã không qua khỏi. Có lần cậu nằm giữa xa lộ cho xe Mỹ cán, nhưng xe chở thẳng vào Biên Hoà. Có lần trốn viện, bắt đom đóm làm đèn đi trong đêm vì thời điểm giới nghiêm. Cậu làm thơ thật nhanh, thật dễ dàng ngay trong lúc lên cơn. Cậu chủ biên tập “Thơ Điên Thứ Thiệt” như để phản đối những người giả điên thời đó. Rồi xuất bản tập “Qê hương” để nói về quê mẹ và nơi chôn nhau cắt rún của mình ở Hàm Tân. Cậu nhờ tôi viết một bài giới thiệu chung, tôi đã viết bài dẫn nhập cho tập Qê Hương với bút hiệu Giang Hồng Vân. Cậu đã có một vài tác phẩm về sử, đặc biệt là về Quang Trung, về Hồ Quý Ly trong thời gian cậu dạy sử ở trung học. Cậu cũng có vài cuốn tiểu thuyết như “Suối Bùn Reo”, “Khi người chết có mặt” v.v... Nhưng tác phẩm nổi tiếng của cậu là “Sống và Viết với ...”, tập hợp các bài phỏng vấn mà ai cũng công nhận là tài hoa với các nhà văn nổi tiếng đương thời. Cậu chuẩn bị ra cuốn “Sống và Vẽ với...” phỏng vấn các họa sĩ, và “Sống và Đàn với...” phỏng vấn các nhạc sĩ. Tiếc thay ý nguyện chưa tròn. Tập thơ tội nghiệp nhất của cậu là tập “Có những bài thơ”, do Trí Đăng xuất bản, in xong ruột, chưa có bìa, không hiểu sao. Rồi tập thơ cũng được cậu tặng bạn bè quen biết mà chẳng cần có bìa như vậy.

Thời cuộc đổi thay, cậu thích nghi cuộc sống một cách khó khăn, khác với mơ dễ dàng thích ứng, cậu như ngày càng ngờ ngác hơn, càng điên hơn. Thế

rồi một buổi trưa tháng giêng năm Kỷ Mùi (1979), người nhà mợ báo tin cho tôi biết là cậu đang hấp hối. Tôi vội chạy đến nhà cậu ở Bàu Sen, đường Nguyễn Trãi, chạy lên căn gác ọp ẹp, thấy cậu nằm im như chìm trong giấc ngủ sâu. Mợ đi vắng. Chỉ có con trai cậu, Nguyễn Hữu Nguyên. Tôi làm thủ thuật hồi sinh cấp cứu nhưng vô hiệu. Lần này cậu đi thiệt...

Những lần trước tôi đến thăm, tuy cậu có yếu nhưng vẫn nói được chút ít, ăn cam, uống chút sữa. Tôi đọc cho cậu nghe mấy câu thơ của cậu và hỏi cậu có biết thơ của ai không, cậu lắc đầu không nói. Trước đó, hình như cậu biết trước cái chết của mình, cậu đã viết một bức thư như là một di chúc cho mợ. Cậu ước ao được thả trôi trên một chiếc thuyền nhỏ, đục lỗng đáy, nhét nút lại, rồi để thuyền trôi lênh đênh trên biển Thái Bình Dương, để cậu được nhìn trời mây nước cho thoả thích, rồi rút nút cho thuyền chìm dần và chết trong bụng cá, cho “Ngư về với Cá”. Thế nhưng cậu chết với lửa. Cậu được hoá táng ở An dưỡng địa Phú Lâm và đưa về đặt kề ông bà và di Nga ở Ngãnh Tam Tân. Tôi nhớ hai câu thơ từ lâu của cậu:

*Bao nhiêu chí trẻ rồi tro bụi*

*Một thoáng tình xa cũng ngậm ngùi*

Và hình như cuộc đời cậu gói ghém vào hai câu đó. Nào chí trẻ, nào tình xa, nào tro bụi. Chí trẻ chắc không ai hơn cậu, muốn vun grom, muốn dờn núi lấp biển đến nổi hoá điên; tình xa với bạn bè thân thuộc em cháu, với cả những người tình không quen biết, với quê hương núi Cú hòn Bà, với quê hương Việt Nam, rồi sau đó là tro bụi. Cậu đã làm câu đối cho mình.

Mấy lượt tung lòng, được gì chẳng, hay trong ai ghi uất hận!

Đòi phen nâng bút, còn gì chẳng, hay trên cát viết ngu ngơ...

Thế nhưng cậu làm được nhiều hơn cậu tưởng, và những người thân, những bạn bè, em cháu, người người quen biết... không ai không quý mến cậu, không ai không thấy được cái tình của cậu đầm thắm, mệnh mông, thành thực, sâu lắng. Những ai gần gũi cậu sẽ cảm nhận được cái tình đó, cái tình vượt lên trên cái tình bình thường. Riêng tôi, tôi luôn nhớ cậu và nhớ những ngày còn thơ, cậu đã thay mẹ tôi, dẫn tôi đến trường học, một ngôi trường tiểu học nhỏ bên bờ sông Cà Ty, Phan Thiết. Mới đó mà đã hơn bốn chục năm!

1996

(\*) Cậu đọc cho tôi nghe. Tôi được mợ cho phép “công bố” sau khi cậu đã mất 20 năm:

“Ta là người lữ khách không xu  
Từ trong bụng mẹ thành thằng ngu  
Chí ngốc lơ làng tan mộng trắng  
Ai người thực nữ dám nâng ... ?

Nghe GS. Trần Văn Khê kể chuyện... tình

Có thể đọc phần hồi ký để biết thêm những người thầy, người bạn của ông như Hoàng Xuân Hãn, Phạm Thiều, Nguyễn Văn Cỏn, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Hữu Ngự...; có thể đọc phần Bút ký để theo bước lữ hành của nhạc Việt cùng ông từ Paris đến Bombay, Đài Bắc, rồi từ Phù Tang, xứ sở của

hoa anh đào trở về xứ Huế mộng mơ... Nhưng nhất định phải đọc trước hết “Vài câu chuyện tình” được “che dấu” một cách khiêm tốn ở cuối tập “Tiểu phẩm” gồm ba phần Hồi ký, Bút ký và Truyện ngắn của Trần Văn Khê do Nhà Xuất bản Trẻ ấn hành (năm 1997).

Dù tác giả đã cẩn thận dặn dò bằng một cái “chapeau” rằng thì là những chuyện này là của nhiều người khác, ông chỉ là người ghi chép lại, người ta dễ nhận ra rằng nhà nhạc học uyên thâm này... đã chân thành kể lại những chuyện tình của chính mình, chính xác đến từng thời gian, không gian cũng như tính cách nhân vật, dưới nhiều cái tên khác nhau nhưng cũng chỉ là của một con người từ thưở thiếu thời đến tuổi xế bóng, từ một học sinh lục tỉnh đến một sinh viên Hà Nội “xếp bút nghiên” dạy học mưu sinh, rồi là một sinh viên đại học Sorbonne ở Pháp đến một giáo sư âm nhạc đi công cán ở Mỹ. Do vậy mà chuyện kể của ông rất thành thực, cảm động với một văn phong giản dị mà màu sắc, mang tính cách Nam bộ khá rõ ràng. “Vài chuyện tình” gần như không có một chút hư cấu trừ chuyện đổi tên và những chỗ tác giả tự ý... đọc bỏ!

Đó là chuyện kể về một mối tình đầu của... ông, truyện “Hai bức thư”, kể về một mối tình trong trắng ngây thơ của Nguyên và Hồng, “đôi trai tài gái sắc” ở miệt vườn: một mối tình nhẹ nhàng mà đắm thắm, hồn nhiên nhưng không kém phần mãnh liệt. “Họ rất thích gặp nhau, nhưng mỗi lần gặp thì mỗi người chỉ ngồi một góc, thỉnh thoảng nhìn nhau mỉm cười...” (tr 311), thế nhưng khi cần bảo vệ người yêu, Nguyên đã nuốt gọn bức thư của bạn tình vào bụng để tránh sự phát hiện của người cô nghiêm khắc. Dĩ nhiên mối tình đó không thành như hàng trăm hàng ngàn mối tình đầu khác, nhưng chuyện bất ngờ làm ta cảm động là bốn chục năm sau đó, hai người gặp lại nhau trên

đất Pháp và người con gái ngày xưa nay đã là bà cụ già mà còn phải viết cho Nguyên một bức thư thứ hai trong đời: “Nhưng em xin anh, từ nay về sau đừng bao giờ trở lại đây nữa. Mong anh hiểu và đừng buồn em.” (tr 320). Chuyện làm ta nhớ đến Phan Khôi: “... tình cờ đất khách gặp nhau, hai mái đầu đều bạc, nếu chẳng quen lung đố nhìn ra được...”; nhưng ở đây không chỉ là hai mươi bốn năm sau mà đến bốn mươi năm sau, thế mà đất khách gặp nhau họ đã vội vã đuổi xua nhau vì sợ dấy lại mối tình ngây thơ từ thuở thiếu thời nơi chốn quê nhà.

“Cô giao liên” là chuyện kể về mối tình câm của cô học trò con nhà giàu ngỗ ngược, cô Ngọc, với ông thầy “Hai mươi ba tuổi, đang học Đại học Hà Nội, trong nhóm Xếp bút nghiên về Nam tậm dạy học mưu sinh” (tr 321). Thầy Trung nghiêm khắc, khó tánh đã thu phục và biến cô gái nhà giàu kênh kiệu thành một người có lòng yêu nước, trở thành một cô giao liên trong kháng chiến chống Pháp, lặn lội trong bụng biển để mong có ngày gặp lại thầy Trung... “Gặp được thầy là em mãn nguyện rồi. Nhờ thầy mà em không còn là đứa con cưng trở thành đứa con hư đốn, em đã ham học, và đặc biệt đã biết yêu nước, biết làm phận sự một người công dân trong lúc đất nước nguy biến như lời thầy thường giảng dạy” (tr 329). Cô giao liên đó đã hy sinh tại vùng ngoại ô Sài Gòn trong một chuyến công tác về Thành.

“Tình kỹ nữ” là câu chuyện tình của một sinh viên nghèo người Việt, học văn khoa ở Sorbonne và chính trị ở Sciences-Po, đêm đêm phải đi hát ở nhà hàng để kiếm sống, với một cô gái Pháp làm nghề vũ khoã thân. Cô gái có một đời sống “không bình thường” đã vì cảm phục anh sinh viên nghèo mà cô có lòng nên đã tìm mọi cách để có được một đêm làm cô gái “bình thường” bên cạnh anh, để rồi đêm đó Khai – tên chàng sinh viên – “đã sống

một đêm tình lạ lùng bất ngờ và vô cùng lý thú” (tr 344). Hai câu thơ kết “Hoa đẹp trên núi cao. Tình ghen ngào” như một khúc vĩ thanh ngân vang trong lòng người đọc về mối tình như chuyện liêu trai.

Nhưng chuyện có vẻ liêu trai nhất có lẽ là chuyện “Trăng khuyết vành chờ”. Chuyện của giáo sư Trường, dạy nhạc ở một đại học ở châu Âu, trong một chuyến đi Mỹ đã gặp một thiếu phụ xinh đẹp, còn rất trẻ, cô Thu Thuỷ, đã ly dị chồng, làm việc ở một công ty du lịch. Nhờ giáo sư mà cây đàn tranh cần xà cừ của cô do nhạc sư VB đóng bấy lâu nay câm lặng đã được “khai khẩu” rồi “bập bẹ” thành những khúc nhạc tình. Giáo sư coi gái như con của mình, tận tình dạy dỗ. Rồi cô gái trả ơn thầy bằng cách đưa thầy đi thăm và khám phá những thắng cảnh tuyệt đẹp của hoang đảo, cho đến một đêm trăng, khi hai người nằm song song trên bãi cát, Thu Thuỷ đã cúi xuống đắp mền che lạnh cho giáo sư Trường, ông bỗng nhớ đến những ngày còn thơ, được mẹ mình tần mền cho mình ngủ (tr 366)...

Ta thử nghe vài câu đối thoại của hai nhân vật:

- Thí dụ nếu như bác hỏi con, con có bằng lòng làm lại cuộc đời với bác không? Thì con nghĩ sao?

Thu Thuỷ lại cười to:

- Bác thí dụ chỉ một điều không bao giờ hiện thực. Bác là con người của muôn người, của xã hội, chứ không phải riêng của người nào...

- .... Bác đừng có thí dụ, đừng dùng chữ “nếu”.

Dĩ nhiên là giáo sư “thua”!

Từ đó hàng năm, Thu Thủy gọi điện qua bờ đại dương thăm hỏi giáo sư vào những đêm trăng sáng như “ánh trăng đêm đó đã soi tỏ và có lẽ còn ghi rõ lòng hai người như một giấc mộng đẹp!” (tr 372).

Tác giả kết chuyện bằng hai câu thơ:

Trăng khuyết dành chờ đợi  
Tuy vui nhưng không mờ...

Làm ta nhớ đến một câu thơ Đường cổ “Đêm đêm vàng sáng hao gầy đêm đêm”, chỉ khác ở đây dù trăng khuyết vẫn không “hao gầy” như mối tình giữa hai thầy trò ở hai bờ đại dương.

“Tiểu phẩm” của Trần Văn Khê là một tác phẩm đáng có trong tủ sách.

Mối tình chung thủy, nhân hậu của “Ông Làm Biếng”

Báo Sức khỏe & Đời sống, Bộ Y tế, số 59 có bài “Ông Làm Biếng” của nhà văn Hữu Ngọc, giới thiệu cuốn tiểu thuyết mới Monsieur le Paresseux của nữ văn sĩ Pháp Yveline Féray viết về cuộc đời của Hải Thượng Lãn Ông, người tổ ngành Y Việt Nam chúng ta. Một người thầy thuốc tài ba đức độ như Lãn Ông Lê Hữu Trác, tác giả của bộ Y Tông Tâm Lĩnh gồm 66 cuốn, mặc dù suốt đời tận tụy chữa bệnh cho mọi người nhưng chỉ mong sao cho

không còn ai mắc phải bệnh tật nữa để mình được làm một “Ông Làm Biếng”, đó chẳng phải là một ước mơ ngàn đời của ngành Y sao? Tôi không có cuốn *Monsieur le Paresseux* trong tay nên không biết Yveline Féray “hư cấu” ra sao chuyện tình đầu của Lãn Ông, nhưng trong *Thượng kinh ký sự* (\*), tập ký viết năm 1783 của ông đã kể một cách khá chi tiết về mối tình thủy chung và nhận hậu đó, nên muốn ghi lại đây cùng với những cảm nghĩ để bạn đọc cùng chia sẻ nhân dịp xuân về.

Chuyện như sau:

“Một ngày kia, có hai lão ni đến chỗ tôi cư ngụ, nói rằng: chùa Huê Cầu đúc chuông lớn, công quả chưa thành, chúng tôi đến đây khuyến hoá”. Thế rồi một ni sư tự giới thiệu mình là trụ trì chùa núi An Tử, còn lão ni kia thì giới thiệu mình là con gái quan tả thừa ty Sơn Nam, quê ở Huê Cầu. “Tôi nghe nói giật mình như tỉnh giấc mơ”, Lãn Ông viết. Sau đó ông tìm cách “hỏi nhỏ một tiểu cô trong bọn tòng hành mới biết là người cũ của mình”. Rồi rằng một tiểu ni tìm đến một quan nhân (lúc này Lãn Ông đang làm quan thầy thuốc ở trong triều) để khuyến hoá mà lại xưng cái “lý lịch cá nhân” của mình ra như thế, phải có lý do gì chứ. Và đúng vậy, chỉ mới nghe qua địa danh Sơn Nam, Huê Cầu thôi, đã đủ làm cho Lãn Ông choáng váng, “giật mình như tỉnh giấc mơ”. Chuyện đúc chuông, khuyến hoá chẳng qua là cái cớ để cho bà có dịp gặp lại ông.

Tưởng tượng coi, lão ni – người tình cũ của Lãn Ông – đã phải trần mình năn nỉ, thuyết phục sư bà ra sao để sư bà động lòng chịu cùng xuống núi một phen. Tuy biết khá rõ rồi, nhưng vốn thận trọng, Lãn Ông mới “trắc nghiệm” lại lần nữa, vì biết đâu chỉ là một sự tình cờ, ông bèn kể rõ quê quán... “Lúc

đó chỉ thấy ni cô chùa Huê Cầu mặt đỏ bừng, vẻ thẹn thùng, bảo sư bà trụ trì rằng: “Thôi, chúng ta đi thôi”. Một lão ni nghiêm trang cẩn mật, tuổi tác già nua mà “mặt đỏ bừng, vẻ thẹn thùng” rồi phải hối thúc sư bà “đi đi thôi” trong một tâm trạng như là dỗi hờn thì thật là đáng kinh ngạc. Lãn Ông rất lúng túng, tìm cách “lưu họ lại không được, mới mang ra một ít hương tiền để cúng” rồi hỏi: “Hai lão ni trọ tại nơi nào?”. Họ đáp: “Chưa có nơi nào”, rồi vội vàng từ biệt ra đi. Lãn Ông đâu dễ chịu ngồi yên, ông “vội gọi một tên người nhà linh lợi bảo đi theo sau họ, mà không cho họ biết...”.

Thế rồi Lãn Ông nhớ lại mối tình xưa. Lỗi tại ông. Ông đã nộp đủ lễ vấn danh, lễ nạp thái, vậy mà rồi vì một lý do riêng, ông hồi cư về Hương Sơn quê mẹ và xa luôn người vợ sắp cưới của mình để bà phải mỗi mòn trông đợi đến hôm nay mới bắt gặp lại.

Rồi người thiếu phụ đó ra sao? Lãn Ông có dịp hỏi thì biết bà “thề chung thân ở vậy”. Nhiều người đi hỏi cưới, bà cương quyết từ chối. Sau cùng, bà vào chùa tu. Lãn Ông viết tiếp “Tôi nghe biết vậy thì tâm thần kinh loạn, than rằng: Vì ta bất cẩn trong việc này. Có thủy mà không có chung, khiến cho người mang hận, mà ta mang tiếng là người bạc bẽo. Ta bối rối không biết cách nào để gỡ cái mối ra, mới vội vàng đến Huê Cầu mà tìm hiểu sự việc”. Quả thật, bà đã từ hôn nhiều người chỉ vì lòng bà chỉ có Lãn Ông thôi. Bà thà đi tu chớ không lấy ai khác nữa!

Bà nói: “Đã có người hỏi lấy làm vợ thì mình (coi như) đã có chồng rồi, chẳng qua vô phận mà chồng bỏ...”. Trách chi Lãn Ông không tan nát cõi lòng, “tâm thần kinh loạn”. Để chuộc lỗi mình, ông xin bà cho ông được coi bà như “cô em gái nhỏ”, bảo dưỡng bà suốt đời từ đây. Vì bà đã đi tu nên

ông đề nghị cất cho bà cái chùa nhỏ, trong một cảnh vườn yên tĩnh: “Mùa đông cũng như mùa hè, lạnh ấm đều sẽ do ta lo liệu, một là để báo ân, hai là để chuộc lỗi...”. Bà cố cầm giọt lệ: “Quan nhân có hậu tình, còn tôi chẳng gặp chồng, cái thân cô khổ cũng là do số mệnh vậy, đâu có dám trách ai... Nay tôi được biết tấm lòng tốt này cũng an ủi cảnh linh lạc vậy”. Và bà đã từ chối. Và Lãn Ông làm thơ. Phải, bởi vì đâu có thứ thuốc nào sắc ba chén còn bảy phân mà chữa được cái bệnh của ông bây giờ! Ông viết: “Tôi lấy làm thương tình, mới giải lòng trong một bài thơ như sau:

Vô tâm sự xuất ngộ nhân đa,  
Kim nhật tương khan khổ tự ta.  
Nhất tiểu tình đa lưu lãnh lệ,  
Song mâu xuân tận kiến hình hoa.  
Thử sinh nguyện tác can huynh muội,  
Tái thế ứng đồ tôn thất gia.  
Ngã bất phụ nhân nhân phụ ngã,  
Túng thiên như thứ nại chi hà?”

Mà Ngô Tất Tố đã chuyển dịch:

Vô tâm nên nổi lụy người ta  
Trông mặt nhau đây luống xót xa  
Gượng cười khôn giấu đôi hàng lệ  
Tóc bạc che mờ nửa mặt hoa  
Kiếp này hãy kết làm huynh muội  
Kiếp khác xin hoàn nghĩa thất gia  
Ai nữ phụ ai, ai nữ phụ

Dờ dang, dang dờ biết ru mà?

Cảm động vì bài thơ “giải lòng” đó mà đã tha thứ cho ông. Ông viết: “Từ đó thời thường qua lại hỏi thăm nhau”.

Chuyện thời kết thúc ra sao?

Tuổi hạc ngày càng cao, bà chỉ xin ông mua gỗ ở Nghệ An đóng cho bà một cỗ quan tài. Vâng, phải đúng gỗ ở Nghệ An bà mới chịu, vì đây là vùng Hương Sơn quê mẹ Lăn Ông (Lăn Ông quê gốc Hải Dương, nhưng sống và thành danh ở Hương Sơn). Có lẽ bà nghĩ lúc sống đã không được nên duyên vợ chồng thì lúc chết ít ra cũng được âu yếm nằm trong một cỗ quan tài do ông đóng cho bà từ thứ gỗ của quê hương ông.

Đó, chuyện tình của Lăn Ông, “Ông Làm Biếng” làng Hải Thượng, một chuyện tình thủy chung, nhân hậu của một thầy thuốc, ông Tổ của ngành Y, làm ta thấy càng gần gũi với ông hơn, càng quý trọng ông hơn.

-----

(\*) Hải Thượng Lăn Ông. Thượng Kinh Ký Sự

NXB Văn học, 1993. Bản dịch của Ứng Nhạc Vũ Văn Đình

## **Những người trẻ lạ lùng**

### **Phần V**

#### **Thư gửi người bạn Nhật chưa quen biết (\*)**

**Bạn thân mến,**

Hãy cho phép tôi gọi bạn như vậy dù chưa biết bạn là ai, nhưng bạn đang cầm trong tay cuốn “Già ơi... chào bạn!” của tôi thì đã là bạn của tôi, chúng ta đã là bạn của nhau, không kể tuổi tác, không kể dặm đường xa cách ngắn dài. Có một thầy thuốc Nhật, bác sĩ Yashiro Yukio thì phải, đã nói: “Khi tuyết rơi, khi hoa nở, khi trăng lên, hơn bao giờ hết, ta nhớ đến bạn”. Chỗ tôi không có tuyết nhưng trong sân nhà tôi hoa đang nở, trăng đang lên và tôi cũng đang nhớ đến bạn, muốn chia sẻ cùng bạn những cảm xúc, những suy nghĩ của tôi, mong bạn chấp nhận với một niềm vui.

Hãy cho phép tôi nói một chút về mình, về việc tại sao tôi có quyển sách nhỏ mà bạn đang cầm trong tay. Vâng, tôi mới 60 tuổi, cái tuổi còn quá trẻ đối với một người 80 tuổi và đã quá già với một người 20 tuổi. Nhưng với tôi, tôi không biết mình đã có tuổi, tích tuổi, lúc nào tôi cũng thấy tôi đã già, và lúc nào tôi cũng thấy tôi còn trẻ. Tôi là một thầy thuốc, một bác sĩ Nhi khoa,

đã hành nghề trên 30 năm tại Sài Gòn. Tôi nhớ mình mới khám chữa bệnh cho một chú bé sơ sinh thì chẳng bao lâu đã thấy chú bé đó mang trên tay một chú bé sơ sinh khác là con của chú để nhờ tôi khám chữa bệnh. Thời gian trôi qua lúc nào đó vậy? Ngoài việc khám chữa bệnh, tôi còn làm các chương trình “Săn sóc sức khoẻ ban đầu cho trẻ em”, “Giáo dục sức khoẻ phòng chống AIDS, thuốc lá”, dạy học, viết báo... Tôi làm việc như điên, cả ngày lẫn đêm, quên cả bản thân mình, quên cả thời gian, và mọi thứ cứ trôi lăn đi như thế cho đến một hôm người ta phải đưa tôi vào bệnh viện cấp cứu vì tai biến mạch máu não. Người ta cạo trọc đầu tôi, đục hai lỗ ở sọ để đặt ống dẫn lưu. Tỉnh dậy, tôi nghĩ thế là xong! Đột nhiên tôi nghe tiếng chim hót trên cành cây ngoài cửa sổ, ánh sáng ban mai chiếu rọi trên giường bệnh tôi nằm. Tiếng chim, ánh nắng, trời ơi, như đã từ lâu tôi không hề biết có nó. Một cảm xúc dâng trào trong tôi. Tôi thấy mình thở. Tôi thấy những người thân và bạn bè vây quanh, người nào cũng không giống như trước kia như tôi đã từng thấy. Rồi tôi đứng lên được, đi lại được với những bước chập chững. Tôi lại đi được vào toilet, lại đứng được như mọi người. Nỗi hạnh phúc kỳ lạ ủa vào tôi. Tôi nói với bạn bè tôi rằng: “Còn đứng được trong toilet là một hạnh phúc lớn... Hãy sống trong giây phút hiện tại tràn đầy hạnh phúc đó đi. Các bạn đang rất hạnh phúc mà không biết. Đừng đợi như tôi. Hãy yêu cuộc sống quanh ta và yêu ta nữa. Hãy biết ơn mình.”

Trong những ngày nằm dưỡng bệnh, tôi đã viết: “Già ơi... chào bạn!” để tự chữa bệnh mình, cho nên trong lời nói đầu, tôi nói là để tặng... mình, một người bước vào tuổi 60, hãy còn quá trẻ và cũng đã quá già. Không ngờ sách được bạn đọc Việt Nam hoan nghênh, và đã tái bản trong thời gian ngắn.

Người Việt Nam có câu: “Có duyên thì ngàn dặm vẫn có thể gặp nhau thường” (Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ) cho nên phải nói rằng cuốn sách của tôi có duyên may được gặp anh Kazuo Minagawa, một người bạn chưa từng quen biết đọc và cảm thấy thích thú, muốn dịch sang tiếng Nhật để chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của tác giả với những người bạn Nhật. Kazuo Minagawa là một người đã từng sống nhiều năm ở Việt Nam, rành tiếng Việt, đã có hai tác phẩm viết về Việt Nam, có thể nói anh thấm nhuần cả hai nền văn hoá Nhật – Việt, vốn không hề xa lạ vì cùng chung một nền tảng văn hoá Á Đông. Anh làm việc rất nghiêm túc. Trong quá trình dịch thuật, anh thường xuyên liên lạc, trao đổi với tôi, cho nên tôi chắc rằng bản dịch của anh đã toát được cái “hồn” của tác phẩm. May mắn hơn nữa, tôi lại được Nhà xuất bản SHOSHISHA đồng ý ấn hành tác phẩm này tại Nhật và sẽ phát hành vào mùa Xuân mới.

Tôi chưa từng đến Nhật, nhưng nước Nhật không xa lạ với tôi. Tôi yêu hoa anh đào, yêu núi Phú Sĩ, yêu Kawabata Yasunari [1] nhất là Haiku... [2] Nhà tôi có một phòng nhỏ trang trí theo kiểu Nhật, ở đó tôi nghe tiếng chim hót, nghe nhạc, viết, vẽ, làm thơ... và nhớ đến các bạn, như Yashiro Yukio đã nhớ khi hoa nở, khi trăng lên...

Thân mến.

-----

(\*) Viết cho bản dịch sang tiếng Nhật, cuốn “Già ơi... Chào bạn!”

[1] Yasunari Kawabata là nhà văn Nhật Bản (1899-1972), đoạt giải Nobel

Văn chương năm 1968. Tác phẩm chính: Xứ tuyết, Tiếng rền của núi, Ngàn cánh hạc, Người đẹp say ngủ... cùng nhiều truyện ngắn và các "Truyện ngắn trong lòng bàn tay" (Theo [evan.com.vn](http://evan.com.vn))

[2] Haiku (Bài cú) là loại thơ độc đáo của Nhật Bản, phát triển mạnh vào thời kì Edo (1603 - 1867) khi đã dần mất đi sắc thái trào phúng mà mang âm hưởng sâu thẳm của Thiền tông, có lẽ là thể thơ ngắn nhất thế giới bởi mỗi bài Haiku thường chỉ vồn vẹn 17 âm tiết trong 3 câu 5 + 7 + 5 (17 âm tiết tiếng Nhật có khi chỉ vài ba từ ít ỏi, 3 câu trong cú pháp haiku cũng thường được viết thành một dòng).

Chẳng hạn bài thơ nổi tiếng sau đây của Matsuo Bashō có cú pháp 5 + 7 + 5 âm tiết:

*Furuikeya (Phư-rư-i-kê-ia)*

*Kawazu tobikomu (Ka-oa-dư-tô-bi-kô-mu)*

*Mizu no oto (Mi-dư-nô-ô-tô)*

*Ao cũ*

*Con ếch nhảy vào*

*Vang tiếng nước xao.*

*Thơ Haiku không có luật vần, nhưng tiết tấu và âm điệu của bài vẫn cho phép ngâm nga như một bài ca. (Theo Wikipedia tiếng Việt)*

*Xin cảm ơn, cảm ơn*

*Xin cảm ơn, cảm ơn*

*Con bệnh ngặt nghèo quật ta gục ngã  
Như cỏ cây trước cơn bão dữ  
Như con thuyền tung hô lên vách núi cao*

*Cho ta trở về làm con thú hoang sơ  
Trần truồng như nhộng  
Kẻ cạo đầu người lột da  
Kẻ đục sọ người giúp thở*

*Kẻ đặt ống sonde vào đường tiểu  
Người bơm thuốc qua dịch truyền  
Cho ta trở về làm con thú trinh nguyên  
Cho ta trở về làm em bé sơ sinh  
Không lý trí không nghĩ suy không toan tính.*

*Xin cảm ơn, cảm ơn  
Con bệnh ngặt nghèo như cơn bão dữ  
Bản tin thời tiết chưa kịp loan truyền  
Quật qua đời ta cây cỏ  
Để khi tỉnh dậy ta nhìn ra em  
Nhớ tiếng người này nhìn ra người nọ  
Gọi tên người này nhớ mặt người kia  
Như đã qua một kiếp khác  
Bao năm xa vắng quê nhà!*

*Nhớ bước chân trâu nhớ giàn bông bí  
Nhớ cây khế ngọt nhớ trái dừa xanh*

Nhớ tiếng mẹ già nhớ đàn con trẻ,  
Nhớ người hàng xóm lâu nay còn lạ  
Nhớ những người thương nhớ luôn người ghét  
Thấy ai cũng tôi nghiệp  
Như ta  
Đã bao lâu ta không sống với mình  
Ta có ta mà ta quên phứt.

Xin cảm ơn, cảm ơn  
Con bệnh ngặt nghèo quật ta kịp lúc  
Cho ta trở lại với mình  
Ta muốn ôm hôn tất cả mọi người  
Và ôm hôn ta nữa  
Cái đầu trọc lóc bình vôi  
Hai lỗ thủng và 18 vết khâu từ ái  
Ta ngạc nhiên lắng nghe mình thở  
Lắng nghe sự sống cục cựa trong mình.

Xin cảm ơn, cảm ơn  
Những cơn đau vật vã toát mồ hôi  
Những nhức buốt thiệt thà thú vật  
Khi đứng được hai chân như con người  
Thật vô cùng hạnh phúc  
Khi bước đi những bước con người  
Khi còn được nghe được nói  
Được cầm cây viết vẽ băng quơ  
Được đọc vài trang báo

*Ôi phép lạ nhiệm màu!*

*Những hòn sỏi bỗng có linh hồn*

*Những lá cây đông đưa lạ lẫm*

*Tiếng chim và ánh nắng*

*Như đã từ lâu rồi ta mới gặp nhau*

*Như đã từ lâu rồi ta mới quen nhau...*

*Xin cảm ơn, cảm ơn*

*Con bệnh ngặt nghèo quật ta gục ngã*

*Cho ta trở về làm con thú trinh nguyên*

*Cho ta trở về làm em bé sơ sinh*

*Tràn đầy hạnh phúc*

*Để ta biết chắc một điều có thực*

*Tình yêu*

*Đã giúp ta tìm lại chính mình*

*Đã giúp ta vượt thoát!*

Đỗ Hồng Ngọc

(Bệnh viện AB 12/1997)

- HẾT -

Đánh máy: Goldfish

Nguồn: Goldfish

Được bạn: Ct. Ly đưa lên  
vào ngày: 10 tháng 9 năm 2010